

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên :Nguyễn Thị Hoài
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Mai Quyên

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH XÂY DỰNG VÀ HỢP TÁC PHÚC LINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Nguyễn Thị Hoài
Giảng viên hướng dẫn:ThS. Phạm Thị Mai Quyên**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hoài

Mã SV:1412401282

Lớp: QT1806K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng và hợp tác
Phúc Linh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Tài liệu về công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2017 tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1.Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.1. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.	4
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	5
1.1.3.1.Chi phí bán hàng.....	5
1.1.3.2.Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	5
1.1.3.3.Doanh thu tài chính	5
1.1.3.4.Chi phí tài chính	6
1.1.3.5.Thu nhập khác	6
1.1.3.6.Chi phí khác.....	6
1.1.3.7 Chi phí giá vốn hàng bán.....	6
1.1.3.8.Xác định kết quả kinh doanh	8
1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.2.1. Doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.1.1 Chứng từ sử dụng:	9
1.2.1.2 Tài khoản sử dụng:	10
1.2.1.3 Phương pháp hạch toán:	11
1.2.2. Giá vốn hàng bán.....	16
1.2.2.1.Chứng từ kế toán sử dụng.....	16
1.2.2.2.Tài khoản kế toán sử dụng.....	16
1.2.2.3.Phương pháp hạch toán	17
1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	21
1.2.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính.....	21
1.2.3.2.Chi phí hoạt động tài chính.....	22
1.2.4.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	23
1.2.4.1.Kế toán thu nhập khác	23
1.2.4.2. Chi phí khác.....	24
1.2.5.Kế toán chi phí bán hàng	25

1.2.6.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	27
1.2.7.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
1.3.Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán vào kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	30
1.3.1.Hình thức Nhật Ký chung.....	30
1.3.2.Hình thức Nhật Ký – Sổ Cái.....	32
1.3.3 Hình thức chứng từ ghi sổ	33
1.3.4. Hình thức Nhật Ký Chứng Từ	34
1.3.5. Hình Thức Kế toán trên máy vi tính	35
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ HỢP TÁC PHÚC LINH	36
2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh.....	36
2.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh	36
2.1.2.Đặc điểm hoạt động kinh doanh.	37
2.1.3.Tổ chức bộ máy quản lý về công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh	38
2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán của công ty.....	41
2.1.4.1.Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh	41
2.1.4.2.Chế độ, chính sách kế toán áp dụng tại Công ty	42
2.2.Thực trạng công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh	43
2.2.1.Kế toán doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu.....	43
2.2.1.1 Thủ tục chứng từ sử dụng	43
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng	51
2.2.1.3 Kế toán chi tiết doanh thu.....	51
2.2.1.4.Kế toán tổng hợp doanh thu.....	55
2.2.2. Kế toán thu nhập khác	58
2.2.3.Doanh thu tài chính	61
2.2.4.Kế toán giá vốn hàng bán	61
2.2.4.1.Chứng từ và thủ tục kế toán.....	61
2.2.4.2.Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán	64
2.2.4.3. Kế toán chi tiết giá vốn.....	65

2.2.4.4.Kế toán tổng hợp giá vốn.....	67
2.2.5.Kế toán Chi phí bán hàng	69
2.2.5.1.Chứng từ và thủ tục kế toán.....	69
2.2.5.2.Tài khoản kế toán sử dụng.....	71
2.2.5.3. Kế toán chi tiết chi phí bán hàng	71
2.2.5.4.Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng	73
2.2.6.Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp	75
2.2.6.1.Chứng từ và thủ tục kế toán.....	75
2.2.6.2.Tài khoản kế toán sử dụng.....	76
2.2.6.3. Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp.....	76
2.2.6.4.Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp	78
2.2.7. Kế toán chi phí tài chính.....	80
2.2.7.1. Chứng từ và thủ tục kế toán.....	80
2.2.7.2.Tài khoản kế toán sử dụng.....	82
2.2.7.3. Kế toán chi tiết chi phí tài chính	82
2.2.7.4.Kế toán tổng hợp chi phí tài chính.....	84
2.2.8. Kế toán chi phí khác	86
2.2.8.1. Chứng từ và thủ tục kế toán.....	86
2.2.8.2.Tài khoản kế toán sử dụng.....	88
2.2.8.3.Kế toán chi tiết và tổng hợp chi phí khác	89
2.2.9. Kế toán kết quả kinh doanh	91
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ HỢP TÁC PHÚC LINH	96
3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh.....	96
3.1.1. Ưu điểm.....	96
3.1.2. Nhược điểm.....	97
3.1.3. Phương hướng hoàn thiện.....	97
3.2. Các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty.	98
KẾT LUẬN	100

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
NSX:	Nhà sản xuất
TM:	Thương Mại
TC-KT:	Tài chính kế toán
QĐ-BTC:	Quyết định bộ tài chính
GTGT:	Giá trị gia tăng
BCTC:	Báo cáo tài chính
TSCĐ:	Tài sản cố định
DTBH:	Doanh thu bán hàng
DTT:	Doanh thu thuần

LỜI MỞ ĐẦU

Trước những biến đổi của nền kinh tế toàn cầu hóa, mức độ cạnh tranh hàng hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế ngày càng khốc liệt. Vì vậy, mỗi doanh nghiệp không những phải nỗ lực trong quá trình sản xuất kinh doanh mà còn phải biết phát huy tối đa tiềm lực của mình để bắt kịp với những thay đổi và phát triển của nền kinh tế thế giới.

Quá trình kinh doanh thương mại gồm ba giai đoạn: mua hàng vào, dự trữ và tiêu thụ không qua khâu chế biến làm thay đổi hình thái vật chất của hàng hóa. Như vậy hoạt động tiêu thụ là khâu cuối cùng có tính chất quyết định cả quá trình kinh doanh. Nó đóng vai trò thúc đẩy để các doanh nghiệp sản xuất thu hồi và quay vòng vốn nhanh. Do đó, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thương mại ngày càng phát triển là động lực thúc đẩy sản xuất mở rộng.

Muốn hoạt động bán hàng diễn ra một cách thuận lợi, mỗi doanh nghiệp phải có chiến lược kinh doanh hợp lý. Bên cạnh đó, tổ chức công tác kế toán tốt là một trong những yếu tố tạo nên sự hiệu quả. Việc đánh giá cao vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tạo điều kiện cung cấp thông tin chính xác và kịp thời cho các nhà quản lý để họ có thể đưa ra những chiến lược kinh doanh và marketing phù hợp, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh em càng nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Đồng thời với sự hướng dẫn tận tình của Giảng Viên Phạm Thị Mai Quyên và các cán bộ phòng Tài chính kế toán tại công ty, em đã hoàn thành bài khóa luận về “*Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh*”.

Kết cấu của đề tài gồm 03 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh.

Do thời gian có hạn, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn giảng viên và các anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh đã giúp em thực hiện bài khóa luận này.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

*** Khái niệm**

Doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền sẽ thu được từ các hoạt động giao dịch như bán sản phẩm hàng hoá cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

*** Nguyên tắc xác định:**

Doanh thu được tính bằng giá vốn và số lượng trên phiếu xuất, hóa đơn GTGT, chi phí vận chuyển cộng gộp.

*** Thời điểm:**

- Doanh nghiệp không nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

*** Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả 3 điều kiện sau;

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*** Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng**

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi viết hoá đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, các khoản phụ thu, thuế GTGT phải nộp và tổng giá thanh toán. Doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT

- Đối với hàng hoá chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được phản ánh trên tổng giá thanh toán

- Đối với hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán

- Doanh thu bán hàng (kể cả doanh thu nội bộ) phải được theo dõi chi tiết theo từng loại sản phẩm nhằm xác định chính xác, đầy đủ kết quả kinh doanh của từng mặt hàng khác nhau. Trong đó doanh thu nội bộ là doanh thu của những sản phẩm hàng hoá cung cấp lẫn nhau giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một hệ thống tổ chức (cùng tổng công ty ít nhất là 3 cấp: Tổng công ty-Công ty-Xí nghiệp) như : Giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa được dùng để trả lương cho cán bộ công nhân viên , giá trị các sản phẩm đem biếu, tặng hoặc tiêu dùng trong nội bộ doanh nghiệp.

1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu theo quy định bao gồm : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, các khoản thuế có tính giảm trừ doanh thu.

*** Khái niệm**

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại :là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp: Là số thuế tính cho hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, chịu thuế xuất nhập khẩu, chịu thuế GTGT mà doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.

*** Nguyên tắc hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu phải được hạch toán riêng : trong đó các khoản : Chiết khấu thương mại ,giảm giá hàng bán được xác định như sau:

- Doanh nghiệp phải có quy chế quản lý và công bố công khai các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán

- Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán cho số hàng bán ra trong kỳ phải đảm bảo doanh nghiệp kinh doanh có lãi

- Phải ghi rõ trong hợp đồng kinh tế và hoá đơn bán hàng

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.3.1. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng tại công ty thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm:

Các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí tiếp khách phục vụ cho công tác tiêu thụ hàng hóa của công ty.

Tất cả các chi phí trên được phản ánh đầy đủ, chính xác tại bộ phận kế toán bán hàng và cuối kỳ được tập hợp lại và kết chuyển để xác định kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

1.1.3.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, . . .); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng.).

1.1.3.3. Doanh thu tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . . .

- Cổ tức lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.1.3.4. Chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính

- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. . .
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái. . .

1.1.3.5. Thu nhập khác

Chi phí khác của doanh nghiệp, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

1.1.3.6. Chi phí khác

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.1.3.7 Chi phí giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là toàn bộ chi phí để tạo ra một thành phẩm hàng hóa.

Đối với một công ty thương mại thì giá vốn hàng bán là tổng chi phí cần thiết để hàng có mặt tại kho (giá mua từ nhà cung cấp, vận chuyển, bảo hiểm,...). Đối với một công ty sản xuất thì cũng tương tự nhưng phức tạp hơn một chút do đầu vào của nó là nguyên liệu chứ chưa phải thành phẩm.

- Phương pháp nhập trước- xuất trước

Phương pháp này dựa trên giả thuyết là hàng hoá nhập trước thì sẽ được xuất trước. Do đó, giá trị hàng hoá xuất kho được tính hết theo giá nhập kho lần trước rồi mới tính tiếp giá nhập kho lần sau. Như vậy giá trị hàng hoá tồn sẽ được phản ánh với giá trị hiện tại vì được tính giá của những lần nhập kho mới nhất

- Phương pháp nhập sau- xuất trước

Phương pháp này dựa trên giả thuyết là hàng hoá nào nhập kho sau nhất sẽ được xuất ra sử dụng trước. Do đó, giá trị hàng hoá xuất kho được tính hết theo giá nhập kho mới nhất, rồi tính tiếp theo giá nhập kho kế tiếp sau đó. Như vậy giá trị hàng hoá tồn kho sẽ được tính theo giá tồn kho cũ nhất

- Phương pháp bình quân gia quyền

Là phương pháp căn cứ vào giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị hàng nhập trong kỳ để tính giá bình quân của 1 đơn vị hàng hoá. Sau đó tính giá trị hàng hoá xuất kho bằng cách lấy số lượng hàng hoá xuất kho nhân với giá đơn vị bình quân. Nếu giá đơn vị bình quân được tính theo từng lần nhập hàng thì gọi là bình quân gia quyền liên hoàn. Nếu giá đơn vị bình quân chỉ được tính một lần lúc cuối tháng thì gọi là bình quân gia quyền lúc cuối tháng.

- Phương pháp giá thực tế đích danh

Phương pháp này được sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp quản lý hàng hoá theo từng lô hàng nhập. Hàng xuất kho thuộc lô hàng nào thì lấy đơn giá của lô hàng đó để tính. Phương pháp này thường sử dụng với những loại hàng có giá trị cao, thường xuyên cải tiến mẫu mã chất lượng.

- Phương pháp giá hoạch toán

Theo phương pháp này khi xuất hàng ta chỉ theo dõi về mặt số lượng, đến cuối kỳ mới xác định được đơn giá hoạch toán. Giá thực tế hàng xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Trong đó: Giá đơn vị hoạch toán được xác định:

$$= \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

1.1.3.8. Xác định kết quả kinh doanh

Xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận gộp về bán} \\ \text{hàng và cung cấp DV} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp DV} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Lợi nhuận} \\ \text{gộp về bán} \\ \text{hàng và} \\ \text{cung cấp} \\ \text{DV} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \\ \text{trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Doanh} \\ \text{thu tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi} \\ \text{phí tài} \\ \text{chính} \end{array}$$

*Vai trò của xác định kết quả kinh doanh

Trong các doanh nghiệp thương mại hiện nay, kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng đã giúp cho doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch về giá vốn hàng hoá, chi phí và lợi nhuận, từ đó khắc phục được những thiếu sót và hạn chế trong công tác quản lý. Việc tổ chức, sắp xếp hợp lý giữa các khâu trong quá trình bán hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đồng thời tạo nên sự thống nhất trong hệ thống kế toán chung của doanh nghiệp. Nhằm phát huy vai trò của kế toán trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán bán hàng cần thực hiện tốt những nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và giám đốc kịp thời, chi tiết khối lượng hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra, tồn kho cả về số lượng, chất lượng và giá trị. Tính toán đúng đắn giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và các chi phí khác nhằm xác định kết quả kinh doanh.

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch bán hàng, doanh thu bán hàng của đơn vị, tình hình thanh toán tiền hàng, nộp thuế với Nhà nước.

- Phản ánh kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả kinh doanh, đơn đốc, kiểm tra, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng, tránh bị chiếm dụng vốn bất hợp lý.

- Cung cấp thông tin chính xác trung thực, lập quyết toán đầy đủ kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh cũng như tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Thực hiện tốt các nhiệm vụ trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc quản lý chặt chẽ hàng hoá và kết quả kinh doanh. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ đó, kế toán cần nắm vững nội dung của việc tổ chức công tác kế toán đồng thời cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

+ Xác định thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Báo cáo thường xuyên, kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng nhằm giám sát chặt chẽ hàng hoá bán ra về số lượng và chủng loại.

+ Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và tình hình luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý, tránh trùng lặp hay bỏ sót, không quá phức tạp mà vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý, nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Đơn vị lựa chọn hình thức sổ sách kế toán để phát huy được ưu điểm và phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

1.2.Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng:

-Hoá đơn GTGT

- Hoá đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Bảng kê hàng gửi đi bán đã tiêu thụ
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng:

-Tài khoản 511”doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, có 5 tài khoản cấp 2:

- +Tài khoản 5111 “doanh thu bán hàng hoá”
- +Tài khoản 5112 “doanh thu bán các thành phẩm”
- +Tài khoản 5113 “doanh thu cung cấp dịch vụ”
- +Tài khoản 5114 “doanh thu trợ cấp, trợ giá”
- +Tài khoản 5117 “doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

-Tài khoản 512 “doanh thu nội bộ”, có 3 tài khoản cấp 2:

- +Tài khoản 5121 “doanh thu bán hàng hoá”
- +Tài khoản 5122 “doanh thu bán các sản phẩm”
- +Tài khoản 5123 “doanh thu cung cấp dịch vụ”

Nội dung và kết cấu TK 511:

Bên Nợ:

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT);
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản **911** "Xác định kết quả kinh

doanh".

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch có 6 tài khoản cấp 2.

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán:

- Khi bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ và doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế GTGT, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,131... (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 (giá bán chưa có thuế GTGT)

Có TK 3331 (thuế GTGT phải nộp)

-Đối với sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá thanh toán, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,131... (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 (doanh thu đã bao gồm thuế GTGT)

-Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán được trong kỳ thu được bằng ngoại tệ, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,131... (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 (doanh thu chưa thuế GTGT)

Có TK 3331 (thuế GTGT phải nộp)

Đồng thời ghi đơn: Nợ TK 007 (ngoại tệ các loại): số nguyên tệ nhận được.

-Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ: khi xuất sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để đổi lấy vật tư, hàng hoá, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán ghi nhận doanh thu hàng đem trao đổi:

Nợ TK 131: tổng giá thanh toán

Có TK 511: giá bán chưa có thuế GTGT

Có TK 3331: số thuế GTGT phải nộp

-Khi xuất sản phẩm, hàng hoá thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp đối lấy vật tư, hàng hoá, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, kế toán ghi nhận doanh thu hàng đem trao đổi, kế toán ghi:

Nợ TK 131: phải thu của khách hàng

Có TK 511: tổng giá thanh toán

-Khi bán hàng hoá theo phương thức trả chậm, trả góp đối với sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay chưa thuế, kế toán ghi:

Nợ TK 131: số tiền khách hàng còn nợ

Nợ TK 111,112: số tiền đã thanh toán trước

Có TK 511: giá bán trả ngay chưa thuế GTGT

Có TK 3331: số thuế GTGT phải nộp

Có TK 3387: tổng số lãi do bán trả chậm, trả góp

-Khi bán hàng hoá theo phương thức trả chậm, trả góp đối với sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay đã có thuế GTGT, kế toán ghi:

Nợ TK 131: số tiền khách hàng còn nợ

Nợ TK 111,112: số tiền đã thanh toán trước

Có TK 511: giá bán trả tiền ngay đã có thuế GTGT

Có TK 3387: tổng số lãi do bán trả chậm, trả góp

-Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế, khi cho thuê hoạt động TSCĐ và cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư, kế toán ghi:

Nợ TK 131: nếu chưa thu tiền

Nợ TK 111,112: nếu thu được tiền ngay

Có TK 5113: giá cho thuê TSCĐ chưa có thuế GTGT

Có TK 5117: giá cho thuê bất động sản đầu tư chưa thuế GTGT

Có TK 3331: số thuế GTGT phải nộp

-Trường hợp thu trước tiền nhiều kỳ về cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư:

+Khi nhận trước tiền cho thuê nhiều kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112: tổng số tiền nhận trước

Có TK 3387: số tiền cho thuê chưa có thuế GTGT

Có TK 3331: số thuế GTGT phải nộp

+Định kỳ, tính và kết chuyển doanh thu của kỳ này, kế toán ghi:

Nợ TK 3387: doanh thu chưa thực hiện

Có TK 5117: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

-Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, khi cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư:

+Khi phát hành hoá đơn cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư, kế toán ghi:

Nợ TK 131: nếu chưa thu được tiền

Nợ TK 111,112: nếu thu được tiền ngay

Có TK 3387: tổng giá thanh toán

+Định kỳ, tính và kết chuyển doanh thu của kỳ này, kế toán ghi:

Nợ TK 3387: doanh thu chưa thực hiện

Có TK 5117: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

-Trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Khi hàng hoá giao cho đại lý đã bán được:

+Kế toán tại đơn vị giao hàng đại lý ghi:

Nợ TK 111,112,131: tổng giá thanh toán

Có TK 511: giá bán chưa thuế GTGT

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

+Kế toán tại đơn vị nhận đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng : định kỳ khi xác định doanh thu hoa hồng bán đại lý được hưởng, kế toán ghi:

Nợ TK 331: phải trả cho người bán

Có TK 511: hoa hồng đại lý hưởng chưa có thuế GTGT

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

-Đối với hoạt động gia công hàng hoá: kế toán tại đơn vị nhận hàng để gia công sẽ ghi nhận doanh thu được hưởng, kế toán ghi:

+Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Nợ TK 111,112,131: tổng giá thanh toán

Có TK 511: số tiền gia công được hưởng chưa thuế GTGT

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

-Xác định thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp, kế toán ghi:

Nợ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3332: thuế tiêu thụ đặc biệt

Có TK 3333: thuế xuất khẩu

+Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán ghi:

Nợ TK 111,112,131: tổng giá thanh toán

Có TK 5117: giá bán chưa thuế GTGT

Có TK 3331: thuế GTGT phải nộp

-Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ trừ vào doanh thu thực tế trong kỳ để xác định doanh thu thuần, kế toán ghi:

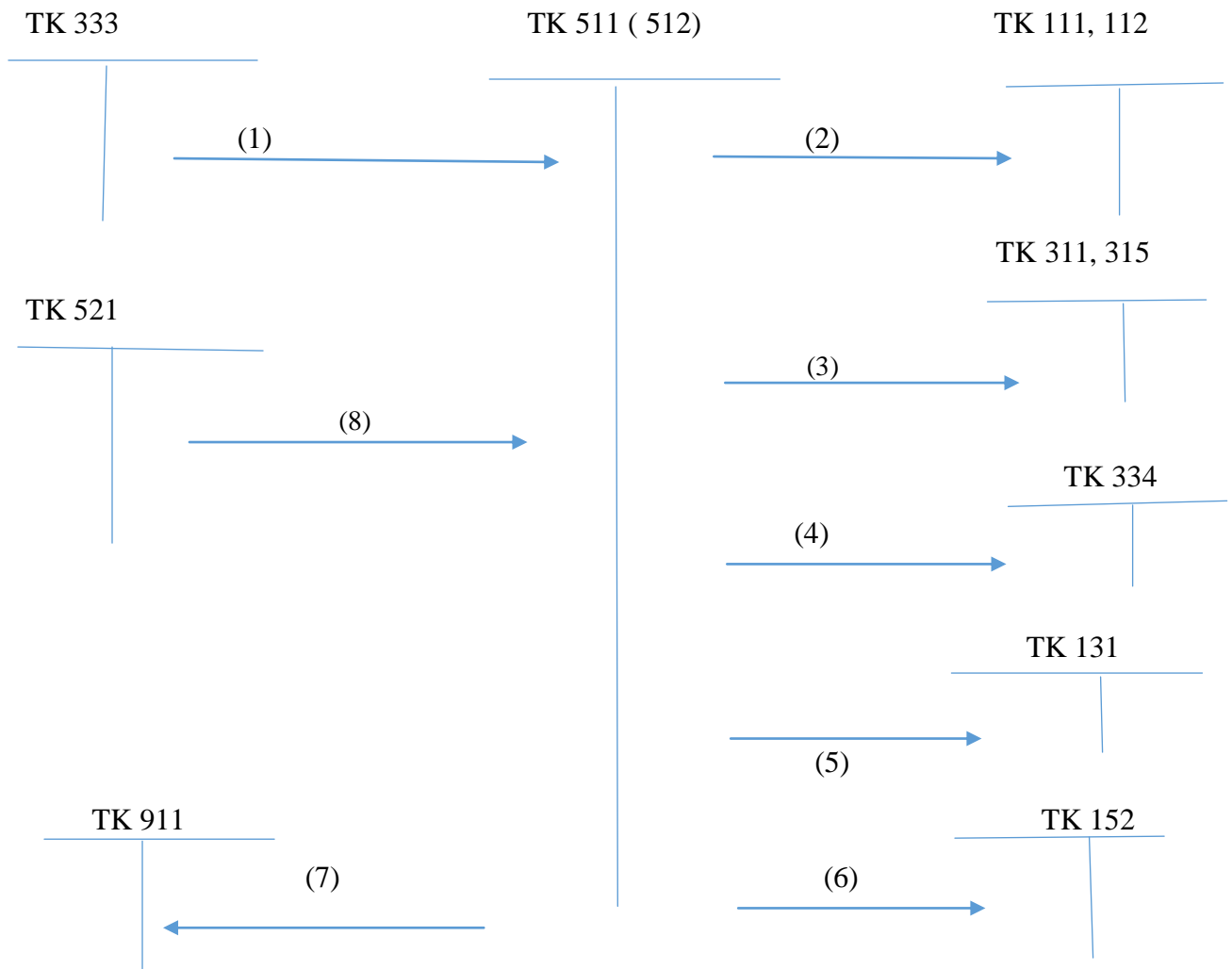
Nợ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

-Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, kế toán ghi:

Nợ TK 511: số doanh thu thuần được kết chuyển

Có TK 911: xác định kết quả kinh doanh



Sơ đồ 121: Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

Diễn giải:

- (1): Các khoản thuế tính trừ vào doanh thu (Thuế TTĐB, Thuế XK)
- (2): Doanh thu bán hàng đã thu tiền
- (3): Doanh thu được chuyển thẳng để trả nợ
- (4): Trả lương, thưởng bằng thành phẩm
- (5): Doanh thu bán hàng chưa thu tiền
- (6): Doanh thu bán hàng (trao đổi hàng)
- (7): Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả kinh doanh
- (8): Khoản chiết khấu, giảm giá kết chuyển

1.2.2. Giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn thuế GTGT
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn
- ...

1.2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:

- + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
 - + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;
 - + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
 - + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản **911** “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;
- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).
- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.
- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Khi xuất bán các sản phẩm, hàng hóa (kể cả sản phẩm dùng làm thiết bị, phụ tùng thay thế đi kèm sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có các TK 154, 155, 156, 157, ...

- Phản ánh các khoản chi phí được hạch toán trực tiếp vào giá vốn hàng bán:

Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra thấp hơn công suất bình thường thì kế toán phải tính và xác định chi phí sản xuất chung cố định phân bổ vào chi phí chế biến cho một đơn vị sản phẩm theo mức công suất bình thường. Khoản chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ (không tính vào giá thành sản phẩm số chênh lệch giữa tổng số chi phí sản xuất chung cố định thực tế phát sinh lớn hơn chi phí sản xuất chung cố định tính vào giá thành sản phẩm) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 154 - Chi phí SXKD dở dang; hoặc

Có TK 627 - Chi phí sản xuất chung.

Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ (-) phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có các TK 152, 153, 156, 138 (1381), ...

Phản ánh chi phí tự xây dựng TSCĐ vượt quá mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình hoàn thành, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang.

- Hạch toán khoản trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã lập kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294).

Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã lập kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:

Định kỳ tính, trích khấu hao BĐS đầu tư đang cho thuê hoạt động, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư)

Có TK 2147 - Hao mòn BĐS đầu tư.

Khi phát sinh chi phí liên quan đến BĐS đầu tư sau ghi nhận ban đầu nếu không thoả mãn điều kiện ghi tăng giá trị BĐS đầu tư, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (nếu phải phân bổ dần)

Có các TK 111, 112, 152, 153, 334, ...

Các chi phí liên quan đến cho thuê hoạt động BĐS đầu tư, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư)

Có các TK 111, 112, 331, 334, ...

Kế toán giảm nguyên giá và giá trị hao mòn của BĐS đầu tư (nếu có) do bán, thanh lý, ghi:

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (2147 - Hao mòn BĐS đầu tư)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá trị còn lại của BĐS đầu tư)

Có TK 217 - Bất động sản đầu tư (nguyên giá).

- Các chi phí bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có các TK 111, 112, 331, ...

- Hàng bán bị trả lại nhập kho, ghi:

Nợ các TK 155, 156

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Trường hợp khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua hàng, kế toán phải căn cứ vào tình hình biến động của hàng tồn kho để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số hàng tồn kho chưa tiêu thụ, số đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng hoặc đã xác định là tiêu thụ trong kỳ:

Nợ các TK 111, 112, 331...

Có các TK 152, 153, 154, , 155, 156 (giá trị khoản CKTM, GGHB của số hàng tồn kho chưa tiêu thụ trong kỳ)

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang (giá trị khoản CKTM, GGHB của số hàng tồn kho đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá trị khoản CKTM, GGHB của số hàng tồn kho đã tiêu thụ trong kỳ).

- Kết chuyển giá vốn hàng bán của các sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

* Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Đối với doanh nghiệp thương mại:

Cuối kỳ, xác định và kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán, được xác định là đã bán, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Có TK 611 - Mua hàng.

Cuối kỳ, kết chuyển giá vốn hàng hóa đã xuất bán được xác định là đã bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ :

Đầu kỳ, kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ vào tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 155 - Thành phẩm.

Đầu kỳ, kết chuyển trị giá của thành phẩm, dịch vụ đã gửi bán nhưng chưa được xác định là đã bán vào tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 157 - Hàng gửi đi bán.

Giá thành của thành phẩm hoàn thành nhập kho, giá thành dịch vụ đã hoàn thành, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 631 - Giá thành sản phẩm.

Cuối kỳ, kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ tài khoản 155 “Thành phẩm”, ghi:

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Cuối kỳ, xác định trị giá của thành phẩm, dịch vụ đã gửi bán nhưng chưa được xác định là đã bán, ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi đi bán

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

Cuối kỳ, kết chuyển giá vốn của thành phẩm, dịch vụ đã được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”, ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*Chứng từ sử dụng :

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Phiếu chi
- Các chứng từ gốc khác có liên quan...

*Tài khoản kế toán sử dụng:

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;

- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.2. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn liên doanh, liên kết lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh từ từ bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá.

*Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ gốc có liên quan...

*Tài khoản kế toán sử dụng

- Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;

- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;

- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư: Tài khoản 635- Chi phí tài chính không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính không có tài khoản cấp 2.

*Phương pháp hạch toán

Lỗ trong thanh toán (lỗ tỉ giá)

Nợ TK 331

Nợ TK 635

Có TK 1112, 1122

Thanh toán lãi vay

Nợ TK 635

Có TK 111, 112

Chiết khấu thanh toán cho người mua

Nợ TK 635

Có TK 111, 112, 131

Thanh toán lãi trả chậm góp

Nợ TK 635

Có TK 242

Kết chuyển : Nợ TK 911

Có TK 635

1.2.4.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.4.1.Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

***Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn
- Biên bản thanh lý
- Phiếu thu và các chứng từ gốc khác có liên quan
- Hợp đồng kinh tế

***Tài khoản kế toán sử dụng**

- Tài khoản 711: Thu nhập khác

Kết cấu của tài khoản**Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 711 - Thu nhập khác không có tài khoản cấp 2.

1.2.4.2. Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán, chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư hàng hóa, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, tiền phạt thuế, truy nộp thuế và các khoản chi phí khác.

***Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ
- Hợp đồng kinh tế

***Tài khoản kế toán sử dụng**

- Tài khoản 811: Chi phí khác

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 811 - Chi phí khác không có tài khoản cấp 2.

1.2.5.Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, quảng cáo...

***Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi

- Hóa đơn GTGT

- Biên lai

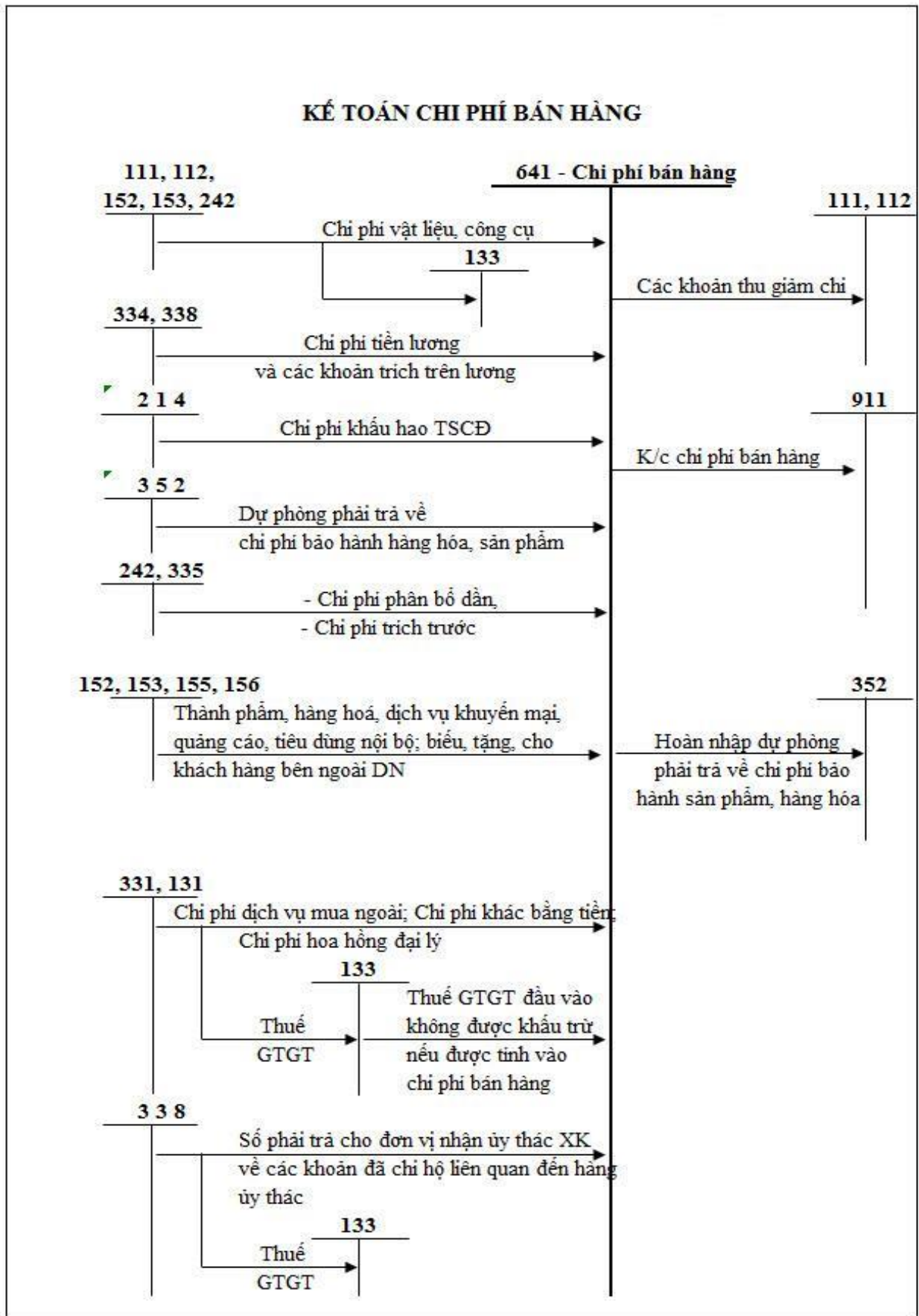
***Tài khoản kế toán sử dụng**

-Tài khoản 641: Chi phí bán hàng

+Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ

+Bên Có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

***Phương pháp kế toán**



Sơ đồ 122: Phương pháp kế toán chi phí bán hàng

1.2.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào.

*** Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Biên lai

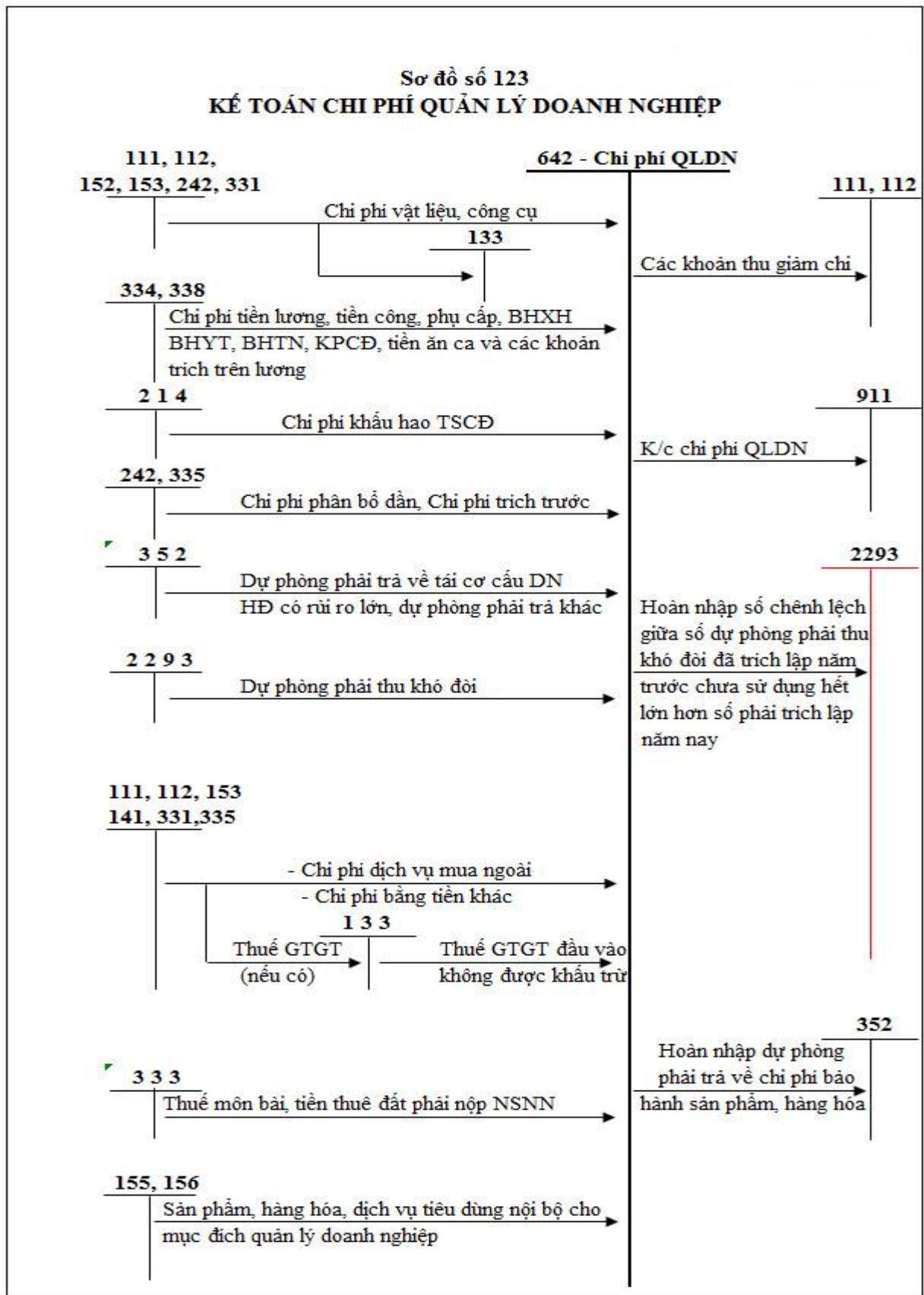
*** Tài khoản sử dụng.****Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Bên Nợ: Tập hợp toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp.

*** Phương pháp kế toán**



Sơ đồ 1.3: Phương pháp kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh*** TK 911: Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Nội dung TK:

-Bên Nợ:+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

+ Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;

+ Kết chuyển lãi.

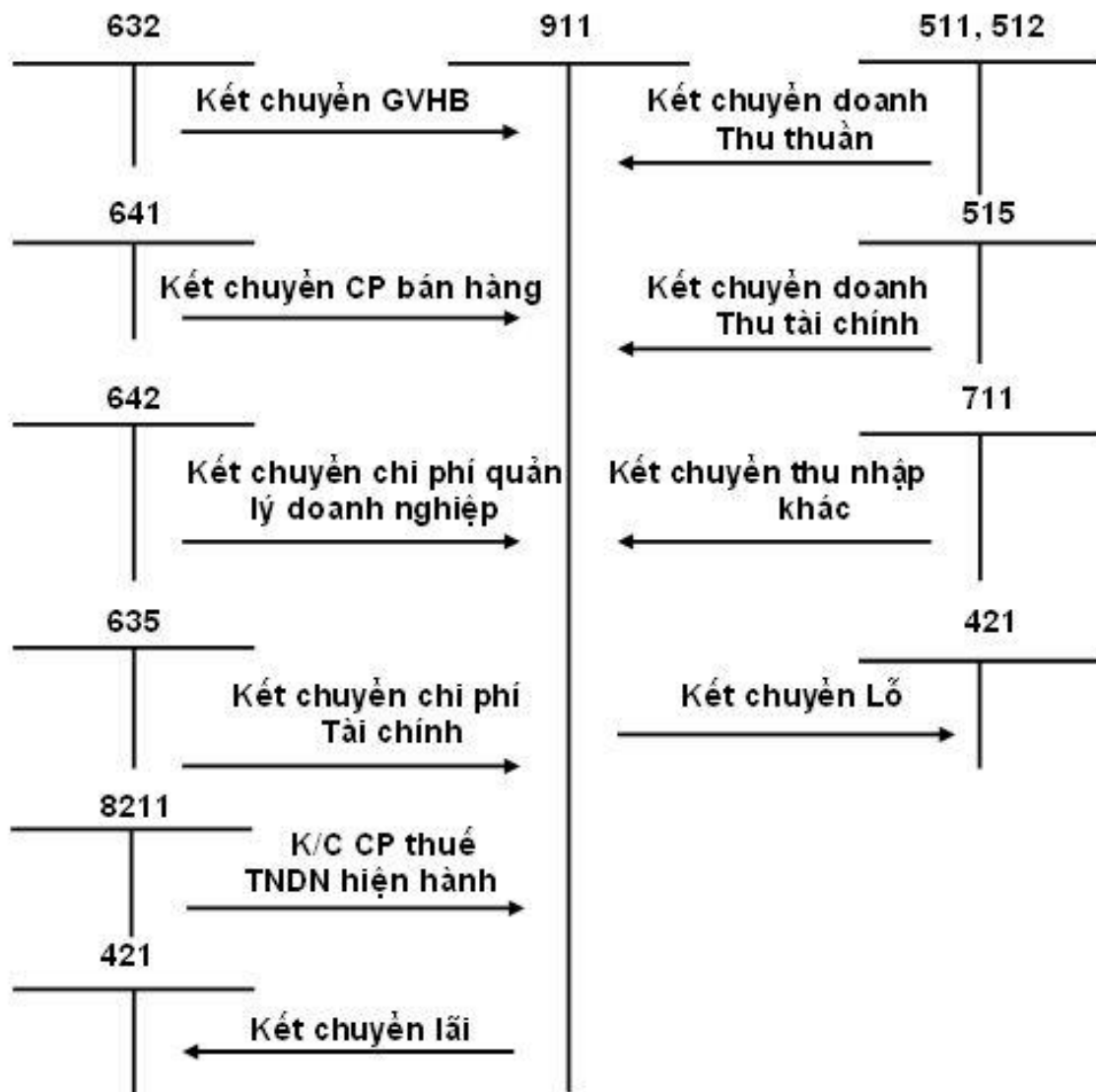
-Bên Có: + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

+ Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Kết chuyển lỗ.

***Phương pháp kế toán**

Sơ đồ kế toán xác định kết quả kinh doanh



Sơ đồ 1.4: Phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng sổ sách kế toán vào kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Hình thức Nhật Ký chung

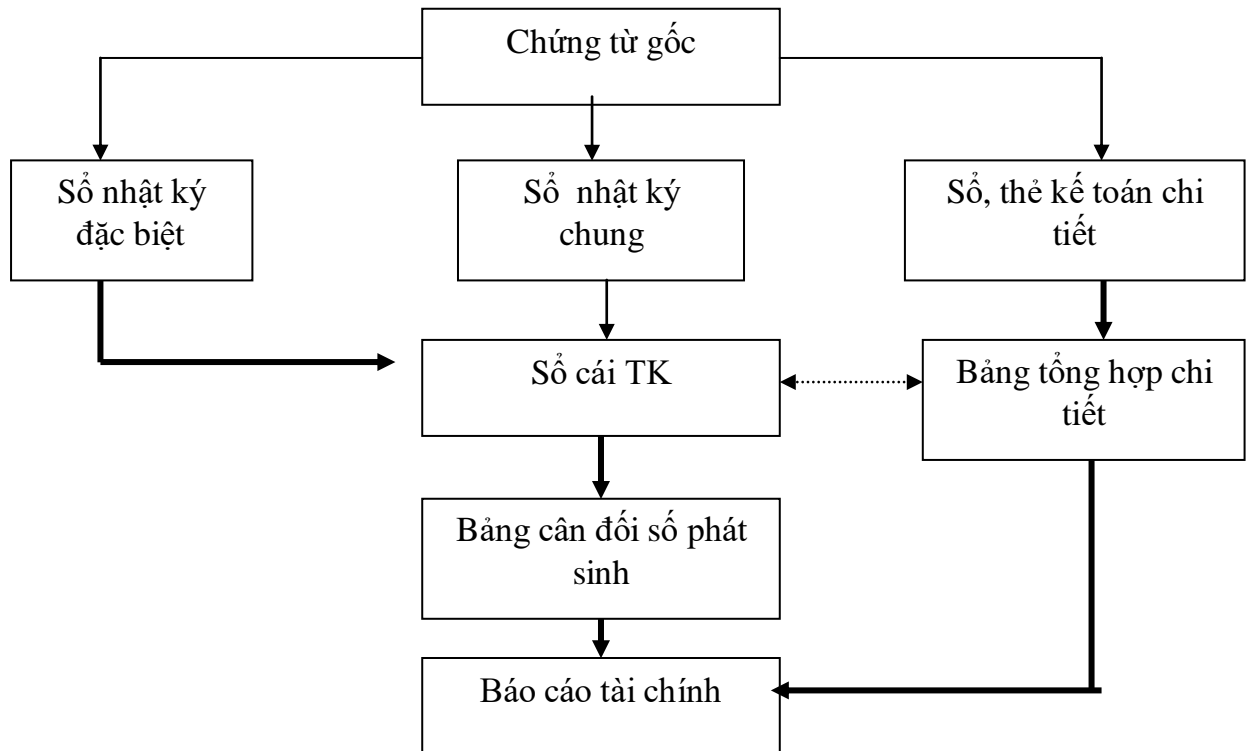
*Hệ thống sổ kế toán tổng hợp

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản áp dụng tại doanh nghiệp như TK 511, 711, 515, 641, 642, 635, 811, 911...

***Sổ kế toán chi tiết**

- Sổ quỹ doanh thu
- Sổ chi tiết chi phí
- Sổ chi tiết các tài khoản 511, 711, 515, 641, 642, 635, 811, 911...

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại công ty như sau:



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi cuối tháng
 <-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 125: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

-Theo trình tự ghi sổ Nhật ký chung bao gồm các sổ tổng hợp và chi tiết như sau:

+ Sổ kế toán tổng hợp: Tờ kê sổ chi tiết, Sổ nhật ký chung, Sổ cái, Sổ nhật ký thu tiền, sổ nhật ký chi tiền, Sổ nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng

+ Sổ kế toán chi tiết: Sổ tài sản cố định, Sổ chi tiết vật liệu, Thẻ kho, thẻ tài sản cố định, sổ chi phí sản xuất kinh doanh, Thẻ tính giá thành sản phẩm dịch

vụ, Bảng phân bổ nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, sổ chi tiết thanh toán, bảng phân bổ lương và các khoản bảo hiểm..

-Trình tự ghi sổ: Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian, sau đó căn cứ số liệu trên Nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản phù hợp, Đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép vào sổ kế toán chi tiết có liên quan.

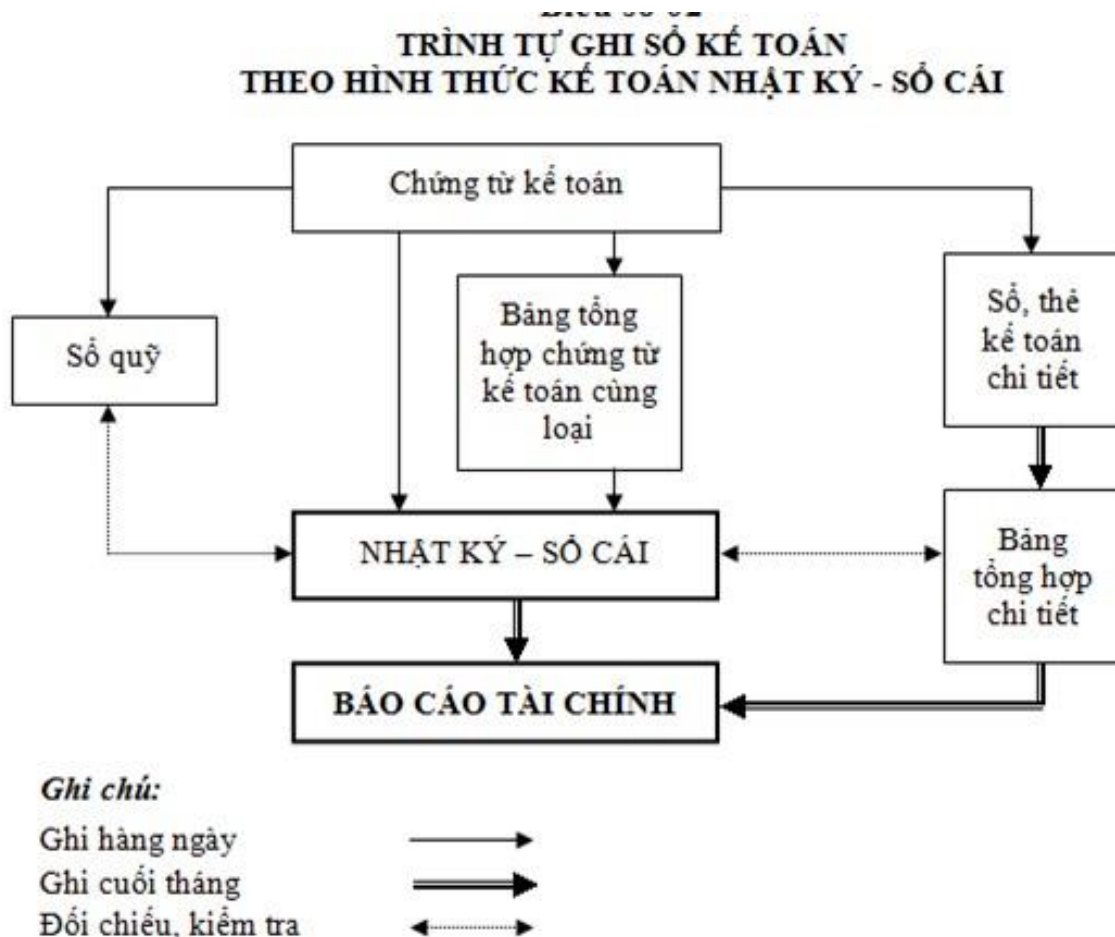
+ Trong một số trường hợp dùng nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các sổ nhật ký đặc biệt có liên quan. Cuối tháng tập hợp sổ nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào sổ cái các tài khoản sau khi đã loại trừ các nghiệp vụ trùng lặp giữa các sổ nhật ký đặc biệt.

+ Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên các sổ và lập bảng cân đối số phát sinh.

+ Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trong sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.3.2.Hình thức Nhật Ký – Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.



Sơ đồ 126: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký – Sổ Cái

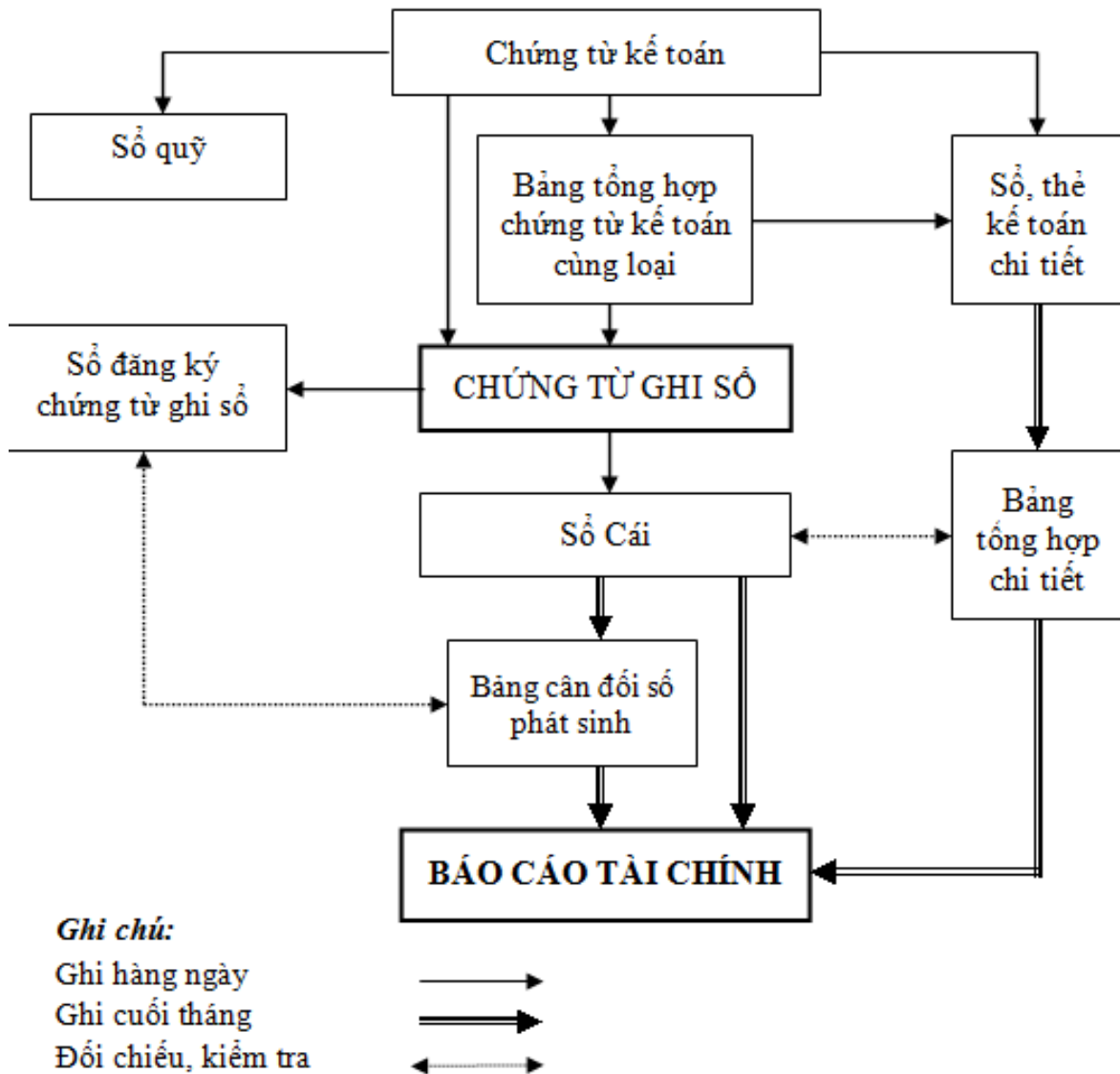
1.3.3 Hình thức chứng từ ghi sổ

– Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN
CHỨNG TỪ GHI SỔ**



Sơ đồ 127: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức Nhật Ký Chứng Từ

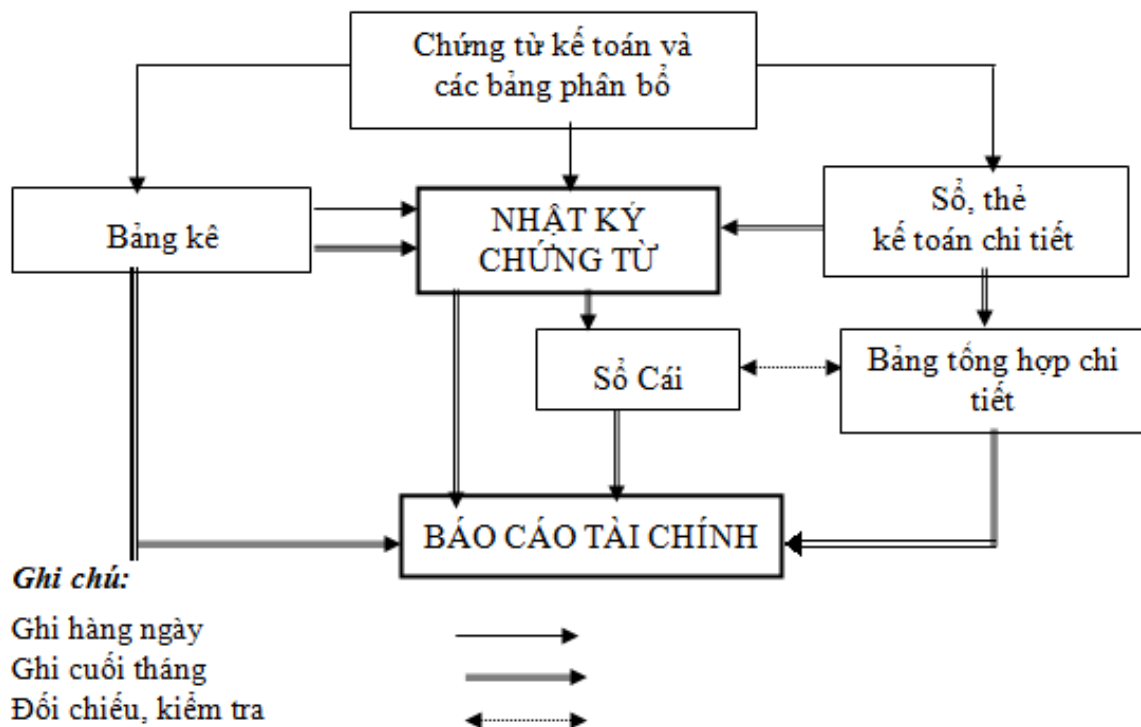
– Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ (NKCT)
 – Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

– Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

– Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

– Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - CHỨNG TỬ



Sơ đồ 128: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chứng Từ

1.3.5. Hình Thức Kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ HỢP TÁC PHÚC LINH

2.1. Giới thiệu về Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

- Tên công ty : công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh
- Tên giao dịch: phuc linh cooperation and construction company limited
- Địa chỉ: 1A/79 Chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân – Hải Phòng
- SĐT: 0313789418
- Email:
- Số đăng kí kinh doanh : 0201291711 , ngày cấp giấy phép và bắt đầu đi vào hoạt động 02/03/2013.

Công ty được thành lập vào tháng 03/2013. Công ty đã triển khai xây dựng nhà máy trong vòng 8 tháng .đến tháng 11/2013, quá trình xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc, thiết bị và hệ thống nhà văn phòng cơ bản đã hoàn thành. Quá trình xây dựng thêm hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị còn tiếp tục vào các năm sau đó.

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh thành lập và đi vào hoạt động, cùng với sự cố gắng của tập thể cán bộ công nhân và nhà quản lí, công ty mạnh dạn đầu tư mua sắm để tham ra vào sản xuất và đầu tư các trang thiết bị hiện đại, đảm bảo yêu cầu kĩ thuật, đáp ứng được với yêu cầu sản xuất.

Sản phẩm của công ty là sản phẩm phục vụ cho ngành xây dựng và các ngành công nghiệp...đến nay công ty đã mở rộng thị trường và kí kết với nhiều đối tác: công ty TNHH Synthomer, cty TNHH Unza, công ty TNHH Linfox, công ty cổ phần Á Châu Sài Gòn....

Với hơn 5 năm xây dựng và phát triển công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh đã có cho mình đội ngũ kĩ sư và cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có đội ngũ công nhân lành nghề và có hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại.

2.1.2.Đặc điểm hoạt động kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0201291711 do chi cục thuế quận Lê Chân cấp ngày 02/03/2013, công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh được phép kinh doanh các lĩnh vực sau :

- F42200 Xây dựng công trình công ích (Ngành chính)
- C25920 Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- C26200 Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
- S96320 Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ
- C33120 Sửa chữa máy móc, thiết bị
- C33140 Sửa chữa thiết bị điện
- C33150 Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- C33200 Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- F41000 Xây dựng nhà các loại
- F4210 Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- F42900 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- F43120 Chuẩn bị mặt bằng
- F43210 Lắp đặt hệ thống điện
- F4322 Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- F43290 Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- F43300 Hoàn thiện công trình xây dựng
- G4610 Đại lý, môi giới, đấu giá
- G4649 Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- G46510 Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
- G46520 Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- G46530 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- G4659 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- G4661 Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- G4663 Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

G4669 Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

H4931 Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);

H4932 Vận tải hành khách đường bộ khác

H4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

H5011 Vận tải hành khách ven biển và viễn dương

H5012 Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

H5021 Vận tải hành khách đường thủy nội địa

H5022 Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

H5210 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

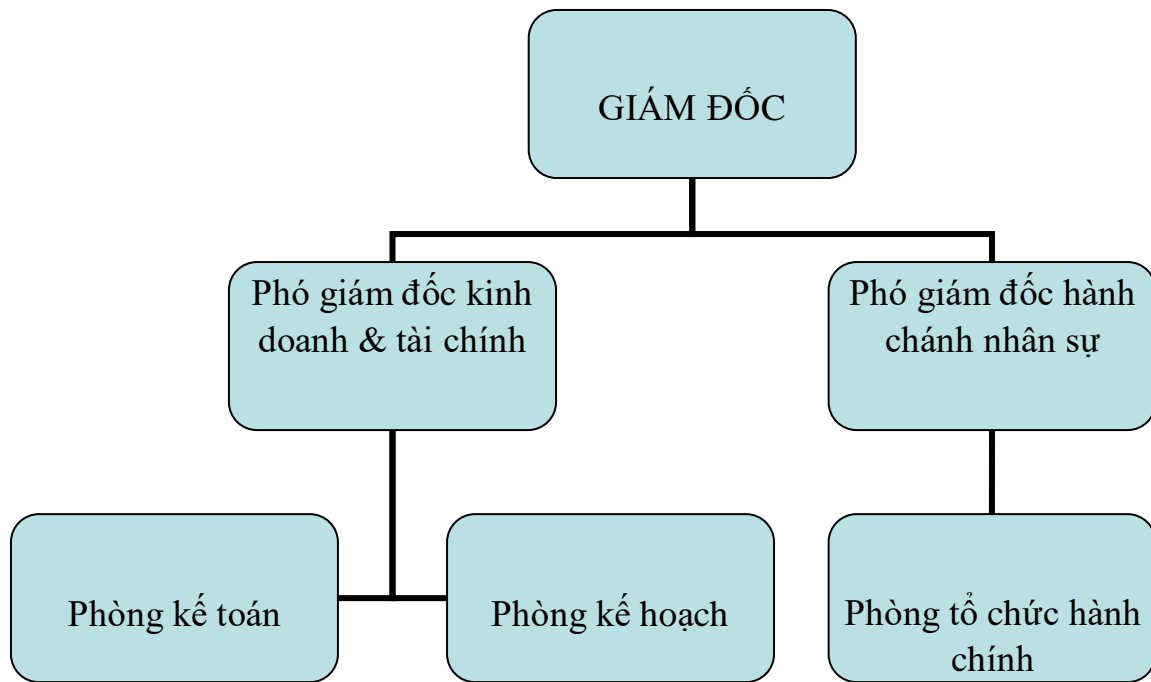
H5221 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

H5224 Bốc xếp hàng hóa

Với nguyên tắc hoạt động tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai thống nhất theo quy định hiện hành, công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh đã xây dựng cho mình mô hình quản lý hiệu quả phù hợp với mô hình và điều kiện kinh tế của công ty.

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý về công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Tổ chức quản lý của bộ máy thống nhất từ trên xuống dưới, mọi hoạt động chỉ đạo từ giám đốc xuống phó giám đốc, xuống các phòng ban điều hành với các tổ, đội, xưởng sản xuất. toàn bộ hoạt động của bộ máy được đặt dưới sự chỉ đạo của ban Giám đốc.



Hình 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH xây dựng và hợp tác
Phúc Linh

Chức năng nhiệm vụ của phòng ban:

* Ban giám đốc:

Có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

Trong đó:

-**Giám đốc:** Là người đứng đầu bộ máy quản lý, đại diện cho cán bộ công nhân viên toàn công ty, có quyền quyết định và điều hành mọi hoạt động của công ty cũng như chịu trách nhiệm trước công ty và toàn bộ cán bộ công nhân viên và kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

- **Phó giám đốc kinh doanh và tài chính:** Là người điều hành chung hoạt động hàng ngày của công ty, tuy nhiên dưới quyền của giám đốc công ty, được quyền đứng ra bảo đảm, cam kết, ký kết các văn bản, hợp đồng trong trường hợp giám đốc chỉ định hoặc phù hợp với lợi ích của công ty.

- **Phó giám đốc hành chính nhân sự:** Quản lý toàn bộ hoạt động quản trị nguồn nhân lực toàn công ty, quản lý hoạt động hành chính quản trị, quản lý hoạt động nhà máy. Quản lý tài sản văn phòng. Huấn luyện đào tạo duy trì phát triển đội ngũ nhân sự trong hệ thống quản lý nguồn nhân lực toàn công ty.

*** Phòng hành chính:**

-Tham mưu cho giám đốc hoặc phó giám đốc, được ủy quyền về công tác tổ chức nhân sự, tuyển dụng, đào tạo về chế độ, chính sách lao động, tiền lương của toàn cán bộ công nhân viên trong công ty.

-Quản lý hành chính, hồ sơ lý lịch, hợp đồng lao động cán bộ công nhân viên toàn công ty, quản lý cấp phát và thu hồi sổ lao động, theo dõi tổ chức nhân sự toàn công ty.

-Tiếp nhận, quản lý các đơn khiếu nại, tố cáo,... Và tham mưu cho ban giám đốc giải quyết.

-Yêu cầu các đơn vị trực thuộc công ty cung cấp các số liệu, hồ sơ về nhân sự phục vụ cho công tác tổ chức hành chính.

-Đại diện công ty trong các vụ kiện dân sự trên cơ sở ủy quyền của giám đốc.

*** Phòng kế toán:**

-Thu thập, ghi chép, xử lý và kiểm tra nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các chứng từ ban đầu, hạch toán kế toán chi tiết và tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Định kỳ (tháng, quý, năm) lập báo cáo tài chính theo đúng chế độ gửi các cơ quan quản lý và kiểm soát.

- Phân tích, giải thích các dữ liệu tài chính, tham mưu trong lĩnh vực kế toán tài chính, giúp ban giám đốc cân nhắc và có quyết định kịp thời trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Theo dõi các khoản thu, chi của cụng ty cho phụ hợp.

- Tổ chức thanh toán đầy đủ các khoản phải trả và thu hồi kịp thời các khoản nợ đến hạn.

- Tổ chức và bảo quản, lưu giữ các tài liệu kế toán.

*** Phòng kế hoạch:**

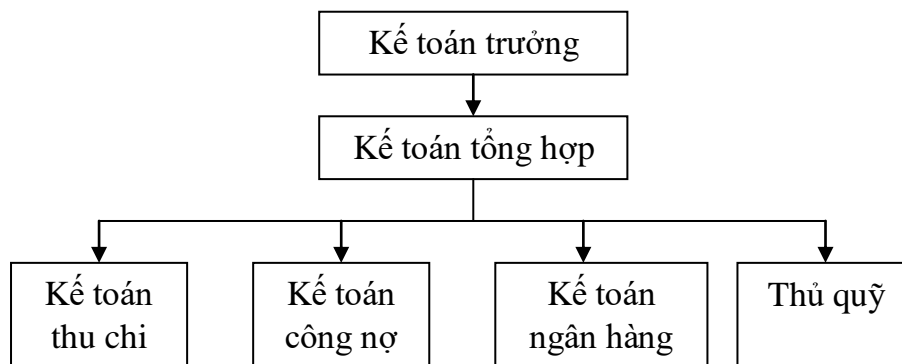
Tham mưu cho ban giám đốc lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, trung hạn, dài hạn trong công việc xây dựng chiến lược kinh doanh về công tác kế hoạch thị trường, tìm kiếm khách hàng.

- Tiếp nhận đơn đặt hàng và báo giá cho khách hàng.
- Báo cáo ban lãnh đạo về tình hình lao động.
- đặc điểm về nguồn lao động của công ty.

2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán của công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

* Đặc điểm bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy kế toán công ty

Chức năng của từng bộ phận

* Kế toán trưởng:

Là người trực tiếp lãnh đạo các nhân viên thuộc quyền quản lý của mình, có trách nhiệm hướng dẫn đôn đốc các kế toán viên làm việc có hiệu quả. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của công ty và chịu sự điều hành của Giám đốc.

* Kế toán tổng hợp:

- Kiểm tra định khoản các nghiệp vụ phát sinh.
- Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp.
- Kiểm tra số dư cuối kỳ có hợp lý và khớp đúng với các báo cáo chi tiết.
- Kế toán tổng hợp tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên.
- Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, TSCĐ, công nợ, nghiệp vụ khác, thuế GTGT, báo cáo thuế.

- Lập báo cáo tài chính theo từng tháng, từng quý, năm .
- Lưu trữ dữ liệu kế toán theo qui định.

*** Kế toán thu, chi:**

- Lập phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.

*** Kế toán công nợ:**

- Theo dõi tình hình thanh toán trong công ty với khách hàng.
- Đối chiếu công nợ trong công ty với khách hàng.
- Theo dõi hạn thanh toán của khách hàng căn cứ vào hợp đồng, hoá đơn.

*** Kế toán ngân hàng:**

- Theo dõi dòng tiền ra, vào của Công ty tại ngân hàng.
- Theo dõi việc thanh toán tiền của khách hàng qua ngân hàng.
- Theo dõi số dư tài khoản ngân hàng.
- Thanh toán lương cho CB-CNV qua tài khoản.

*** Thủ quỹ:**

- Theo dõi và quản lý tiền mặt tại Công ty.
- Thực hiện ghi chép sổ quỹ.
- Quản lý chứng từ, sổ sách liên quan tới thu chi quỹ.

2.1.4.2. Chế độ, chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Công ty tổ chức theo hình thức kế toán Nhật ký chung theo thông tư 200/2014/ TT_BTC từ ngày 1/1/2015 thay cho quyết định 15/2006/QĐ-BTC và mở tài khoản chi tiết theo yêu cầu hạch toán tại công ty.

- Niên độ kế toán năm: (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12)

- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng, thời gian tính khấu hao được tính theo khung quy định của nhà nước cho mỗi loại tài sản.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ

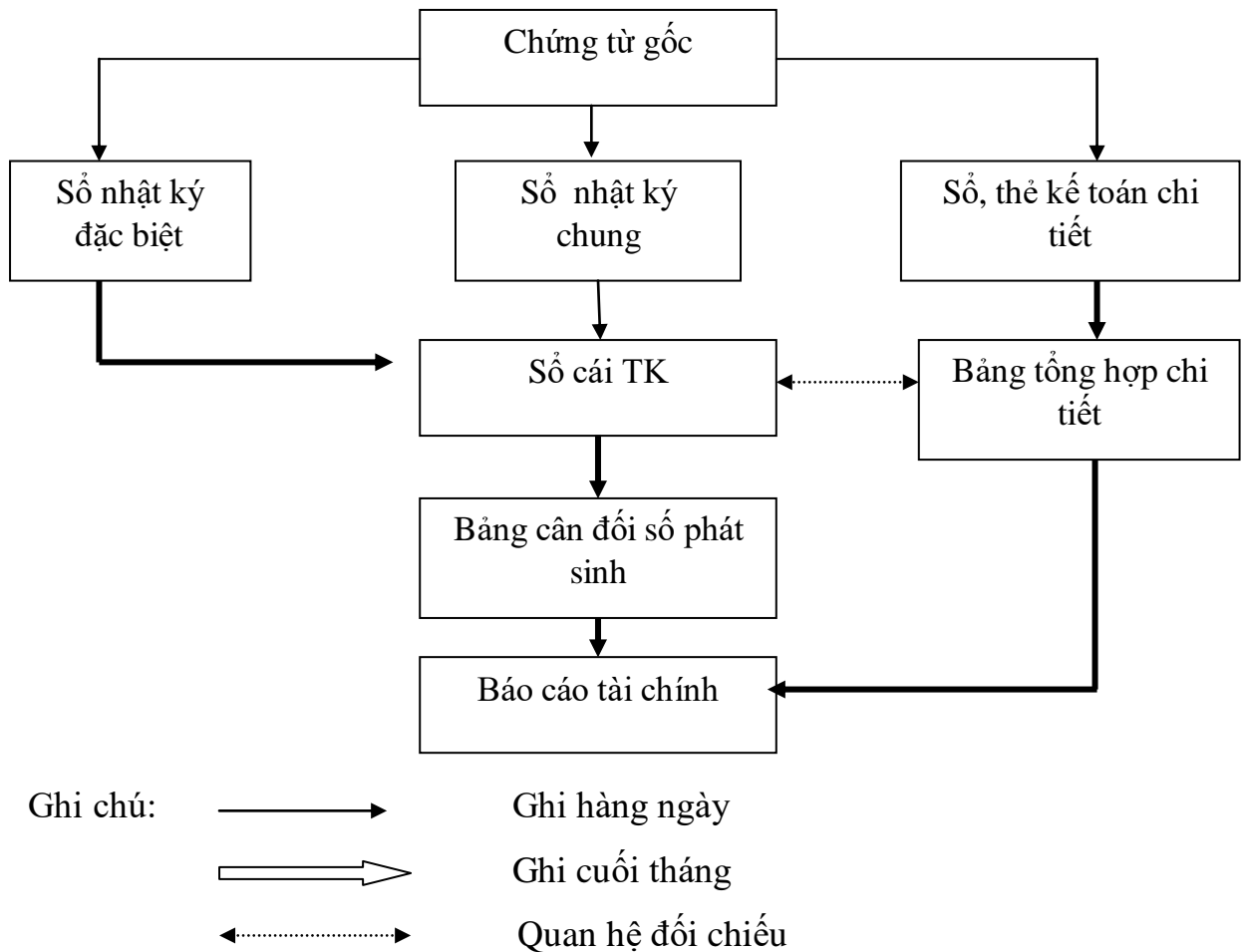
- Tính thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

- Tính trị giá hàng xuất kho: Nhập trước – xuất trước

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tại công ty như sau:



Sơ đồ 195: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

2.2. Thực trạng công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

2.2.1. Kế toán doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu

2.2.1.1 Thủ tục chứng từ sử dụng

Tại công ty để phản ánh doanh thu bán hàng kế toán sử dụng các chứng từ như Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, giấy báo có ngân hàng... các chứng từ này được thực hiện cụ thể như sau:

Trước tiên khi phát sinh các nghiệp vụ bán hàng kế toán lập hóa đơn bán hàng, phiếu thu hoặc nhận được giấy báo của ngân hàng về khoản tiền thanh toán của khách hàng thì bộ phận kế toán tiến hành hạch toán và ghi sổ theo đúng quy định của công ty.

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh (trích):

NV1: Ngày 11 tháng 11 năm 2017 Theo Hóa đơn GTGT 00061, Công ty bán lô hàng Cọc khoan nhồi và Tời nội nhỏ, tổng giá trị 899.500.000đ, thuế GTGT 10% cho công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình, khách hàng nhận nợ trong vòng 30 ngày. Cụ thể như sau:

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mã số thuế: 0201291711

Địa chỉ: 1A/79 Chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân – Hải Phòng

Số điện thoại: 0313789418

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Mẫu số: **01GTKT/001**

Ký hiệu: AA/17P

Số: 0000061

Họ tên người mua: Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình

Nhận hàng: Trần Văn Tân

Địa chỉ: Số 22 ngõ 155 đường Quan Hoa – Q.Cầu Giấy – TP. Hà Nội

Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán

Mã số thuế : 0105950802

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn Vị Tính	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
01	Cọc khoan nhồi đường kính 120	Chiếc	75	10.000.000	750.000.000
02	Tời nội nhỏ	Thanh	260	575.000	149.500.000
Cộng tiền hàng					899.500.000
Thuế suất GTGT 10%					89.950.000
Tổng cộng tiền thanh toán					989.450.000

Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi ngàn đồng.

Người mua/ nhận hàng

(Đã ký)

Người bán hàng

(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký, đóng dấu)

NV2: Ngày 12 tháng 11 năm 2017 Căn cứ vào Hóa đơn GTGT 00062, công ty bán Tờ nhỏ cho chị Vũ Thị Dung, giá thị đơn hàng 17.250.000đ, thuế GTGT 10%. Chị Dung thanh toán bằng tiền mặt, Phiếu thu số 017. Cụ thể như sau:

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mã số thuế: 0201291711

Địa chỉ: 1A/79 Chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân – Hải Phòng

Số điện thoại: 0313789418

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: **01GTKT/001**

Ký hiệu: AA/17P

Số: 0000062

Liên 3: Nội bộ

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Họ tên người mua: Chị Vũ Thị Dung

Nhận hàng: Chị Vũ Thị Dung

Địa chỉ: Số 02 ngõ 47 Khúc Thừa Dụ, Lê Chân, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: TM

Mã số thuế : 0200065400

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn Vị Tính	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
01	Tờ nhỏ nội bộ	Thanh	30	575.000	17.250.000
Cộng tiền hàng					17.250.000
Thuế suất GTGT 10%					1.725.000
Tổng cộng tiền thanh toán					18.975.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng.

Người mua/ nhận hàng

(Đã ký)

Người bán hàng

(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký, đóng dấu)

Công ty TNHH xây dựng TM và
hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày
22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số: 02

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Số : 0017

Nợ: 111

Có: 511, 3331

Họ tên người nộp tiền: Chị Vũ Thị Dung

Địa chỉ: Lê Chân, Hải Phòng

Lý do thu tiền: Thu tiền bán hàng theo HĐ số 0000062, ngày 12/11/2017

Số tiền: 18.975.000đ

Bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc.

.....Đã nhận đủ tiền.

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Giám đốc**Kế toán****Thủ quỹ****Người nộp tiền**

NV3: Ngày 21 tháng 11 năm 2017 Công ty Hoàng Bình thanh toán tiền đơn hàng ngày 11 tháng 11 năm 2017, công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng, cụ thể:

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN
V(BIDV)

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 21 tháng 11 năm 2017

Ma GDV: NGUYEN KIM CHI

Ma KH: 54325

Số: 575

Kính gửi: Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mã số thuế: 0201291711

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã Ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0401.000.000.61

Số tiền ghi CÓ: 989.450.000 VNĐ

Số tiền bằng chữ: Chín trăm tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng.

Nội dung: Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình thanh toán tiền hàng theo hóa đơn HD 0000061 ngày 11 tháng 11 năm 2017.

Giao dịch viên

Kiểm soát

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác
Phúc Linh

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22
tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 23 tháng 11 năm 2017

Quyển số: 03

Số : 012

Nợ: 5213, 3331

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Thị Dung

Địa chỉ: Lê Chân Hải Phòng

Lý do chi tiền: Chi hoàn trả 5% tiền giảm giá hàng bán do hàng lỗi đơn hàng
12/11

Số tiền: 948.750đ

Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc và Biên bản xác minh

Đã nhận đủ tiền: Đã nhận đủ số tiền 948.750 VNĐ

Ngày 23 tháng 11 năm 2017

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người nộp tiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC MINH

Hồi 16h00 giờ ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại Kho Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Đại diện bà: Nguyễn Thị Lan

Chức vụ: Trưởng bộ phận kho

Bên B: Vũ Thị Dung

Địa chỉ: Số 02 ngõ 47 Khúc Thừa Dụ, Lê Chân, Hải Phòng

Và Ông/bà: Trần Thanh Tùng

Chức Vụ: Đội kiểm tra chất lượng chuyên

ngành

Tiến hành xác minh về việc

Chất lượng của lô hàng Tời nhỏ của công ty Phúc Linh giao cho bà Vũ Thị Dung ngày 12/11.

KẾT QUẢ XÁC MINH

Về chất lượng: Hàng đảm bảo chất lượng

Về kích thước hàng: Số lượng 30 Thanh Tời bị lệch 1.2 ly so với hàng đã đặt.

Biên bản kết thúc hồi 17h giờ 00 ngày. 22 tháng 11 năm 2017

Biên bản này đã đọc cho những người có tên trên nghe, công nhận đúng và ký tên xác nhận.

Bên A

ĐỘI KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Bên B

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Công ty lựa chọn, sử dụng các tài khoản trong hệ thống tài khoản kế toán bộ tài chính ban hành cho phù hợp để phản ánh doanh thu bán hàng kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong một kỳ hạch toán của hoạt động sản xuất kinh doanh. TK 511 sau khi kết chuyển không còn số dư cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp 2:

- + TK5111: Doanh thu bán hàng hóa.
- + TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản.

- TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu: Tài khoản này dùng để theo dõi toàn bộ các khoản giảm trừ cho khách hàng trên giá đã bán thỏa thuận do những lý do thuộc về người bán.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

- +TK5211: Chiết khấu thương mại
- +TK5212: Hàng bán bị trả lại
- +TK5213: Giảm giá hàng bán

2.2.1.3 Kế toán chi tiết doanh thu

Căn cứ vào Hoá Đơn GTGT, và các chứng từ có liên quan kế toán tập hợp và tiến hành phản ánh các nghiệp vụ vào các sổ chi tiết có liên quan. Sổ chi tiết bán hàng được mở cho từng loại hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ (kể cả đã thu được tiền hay còn phải thu).

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Đối tượng: Cọc khoan nhồi đường kính 120
 TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 Tháng 11 năm 2017

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E			
11/11	00061	11/11	Bán hàng cho công ty Hoàng Bình	131		750.000.000	
29/11	00075	29/11	Bán hàng công ty TNHH Thanh Sơn	112		160.000.000	
			Cộng		910.000.000	910.000.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người lập

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S38-DN(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12
năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT DOANH THU**

Đối tượng: Tài nội nhỏ

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tháng 11 năm 2017

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E			
11/11	00061	11/11	Bán hàng cho công ty Hoàng Bình	131		149.500.000	
12/11	00062	12/11	Bán hàng cho chị Vũ Thị Dung	111		17.250.000	
29/11	00075	29/11	Bán hàng công ty TNHH Thanh Sơn	112		34.500.000	
			Cộng		201.250.000	201.250.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người lập

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S38-DN(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12
năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

TK 5213: Giảm giá hàng bán

Tháng 11 năm 2017

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E			
			
23/11	PC012	23/11	Giảm 5% đơn hàng 12/11 cho chị Vũ Thị Dung	111	862.500		
25/11	PC015	25/11	Giảm 1% cho đơn hàng ngày 11/11 Cho công ty Hoàng Bình về Cọc khoan nhồi đường kính 120	111	7.500.000		
30/11	PC018	30/11	Giảm 1% cho đơn hàng ngày 30/11 Cho công ty TNHH Thanh Sơn về Cọc khoan nhồi đường kính 120	111	1.600.000		
			
			Tổng cộng		12.908.000	12.908.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người lập

2.1.4. Kế toán tổng hợp doanh thu

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12
năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 11 Năm 2017

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	SHTK	Số phát sinh	
	Số	NT				Nợ	Có
			Số từ trang trước				
11/11	HD0061	11/11	Bán hàng cho công ty Hoàng Bình	X	131 511 3331	989.450.000	899.500.000 89.950.000
12/11	HD0062	12/11	Bán hàng chị Dung	X	111 511 3331	18.975.000	17.250.000 1.725.000
21/11	GBC575	21/11	Công ty Hoàng Bình đã thanh toán tiền hàng	X	112 131	989.450.000	989.450.000

22/11	HH0068	22/11	Công ty thanh lý xe tải HUMAX	X	112 711 3331	255.200.000	232.000.000 23.200.000
23/11	PC012	23/11	Chi giảm giá 5% cho chị Vũ Thị Dung do hàng lỗi	X	5213 3331 111	862.500 86.250	948.750
			Cộng lũy kế chuyển sang trang sau		...	12.254.230.000	12.254.230.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 11 Năm 2017

TÀI KHOẢN 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ngày kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong tháng					
11/11	HĐ00061	11/11	Bán hàng cho công ty Hoàng Bình	131		889.500.000
12/11	HĐ00062	12/11	Bán hàng chị Dung	111		17.250.000
30/11	KCGG11	30/11	Kết chuyển giảm giá hàng bán	5213	12.908.000	
		
			Kết chuyển doanh thu XĐKQ			911	1.907.092.000	
			Tổng cộng				1.920.000.000	1.920.000.000

Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

2.2.2. Kế toán thu nhập khác*** Chứng từ kế toán sử dụng**

- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Và các chứng từ gốc liên quan...

*** Tài khoản kế toán sử dụng**

- Tài khoản 711: Thu nhập khác

*** Phương pháp hạch toán**

NV4: Ngày 22 tháng 11 năm 2017 theo Hóa đơn GTGT 00068, Công ty nhượng bán TSCĐ là xe tải HUMAX do không có nhu cầu sử dụng nữa. Cụ thể như sau:

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mã số thuế: 0201291711

Địa chỉ: 1A/79 Chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân – Hải Phòng

Số điện thoại: 0313789418

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: **01GTKT/001**

Ký hiệu: AA/17P

Số: 0000068

Liên 3: Nội bộ

Ngày 22 tháng 11 năm 2017

Họ tên người mua: Công ty TNHH Đá tự nhiên VNS

Nhận hàng: Nguyễn Thành Luân

Địa chỉ: Số 13C7, phố Nguyễn Công Thái, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội

Hình thức thanh toán: CK

Mã số thuế : 0100065400

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn Vị Tính	Số lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
01	Tải HUMAX	Xe	01	232.000.000	232.000.000
Cộng tiền hàng					232.000.000
Thuế suất GTGT 10%					23.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					255.200.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng..

Người mua/ nhận hàng

(Đã ký)

Người bán hàng

(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký, đóng dấu)

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 11 Năm 2017

TÀI KHOẢN 711: Thu nhập khác

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong tháng					
22/11	HĐ00068	22/11	Công ty nhượng bán xe tải HUMAX	112		232.000.000
		
30/11	KCTNK11	30/11	Kết chuyển XĐKQ	911	282.000.000	
			Tổng cộng				282.000.000	282.000.000

Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

2.2.3. Doanh thu tài chính

Tại công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh trong kỳ không phát sinh doanh thu hoạt động tài chính.

2.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.4.1. Chứng từ và thủ tục kế toán

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Biên bản bàn giao kiêm phiếu xuất kho

Trong công ty khi nhân viên, khách hàng hoặc các bộ phận trong công ty có nhu cầu về xuất sản phẩm thì xin lệnh xuất kho của Giám đốc hoặc kế toán trưởng. Sau khi có lệnh xuất kho thì chuyển xuống cho kế toán kho, kế toán kho khi kiểm tra tính chính xác sẽ tiến hành lập Phiếu Xuất kho theo đúng quy định về hàng hóa cũng như các thông tin khác liên quan. Sau khi lập xong phiếu Xuất kho sẽ được chuyển cho bộ phận kho là Thủ kho sẽ tiến hành xuất kho hàng hóa thực tế. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên. 1 Liên kế toán kho lưu giữ làm chứng từ hạch toán, 01 phiếu giao cho Thủ kho và 01 phiếu giao cho người nhận hàng. Người nhận và Thủ kho đều phải ký đầy đủ vào Phiếu xuất kho. Cuối tuần kế toán kho tập hợp toàn bộ Phiếu Xuất kho chuyển Phiếu Xuất kho lên cho Giám đốc ký.

Giá xuất kho của hàng bán được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các chứng từ trong kỳ(trích):

Trong kỳ kế toán kho tiến hành tính toán giá vốn hàng bán và Kế toán phụ trách kho tiến hành lập các phiếu xuất kho, cụ thể (trích):

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Số 00425

Nợ 632: 793.050.000

Có 156: 793.050.000

Họ tên người nhận hàng: Trần Văn Tân – Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình

Lý do xuất kho : Để bán

Xuất tại kho : Công ty Địa điểm: 1A/79 Chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân –
Hải Phòng

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Cọc khoan nhồi đường kính 120	TP6	Chiếc	75	75	8.910.000	668.250.000
02	Tời nội nhỏ	TNN	Thanh	260	260	480.000	124.800.000
	Công phát sinh						793.050.000

Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Số 00426

Nợ 632: 14.400.000

Có 156: 14.400.000

Họ tên người nhận hàng: Vũ Thị Dung

Lý do xuất kho : Để bán

Xuất tại kho : Công ty Địa điểm: 1A/79 Chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân –
Hải Phòng

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Tời nội nhỏ	TNN	Thanh	30	30	480.000	14.400.000
	Công phát sinh						14.400.000

Ngày 12 tháng 11 năm 2017

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

2.2.4.2. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán

Từ các bảng kê chứng từ có liên quan kế toán tập hợp và ghi vào sổ chi tiết TK 632 Sau khi nhập các phiếu nhập kho, xuất kho (có hoá đơn bán hàng đi kèm) với đầy đủ các thông tin cần thiết, phần mềm kế toán sẽ tự động chuyển dữ liệu đến các sổ chi tiết, bảng kê hoá đơn bán hàng.

2.2.4.3. Kế toán chi tiết giá vốn

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S38-DN(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12
năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Đối tượng: Cọc khoan nhồi đường kính 120

TK 632: Giá vốn hàng bán

Tháng 11 năm 2017

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E			
11/11	PXK00425	11/11	Xuất kho bán cho Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình	156	668.250.000		
29/11	PXK00429	29/11	Xuất kho bán công ty TNHH Thanh Sơn	156	142.560.000		
			Cộng		810.810.000	810.810.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người lập

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S38-DN(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12
năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Đối tượng: Tài nội nhỏ

TK 632: Giá vốn hàng bán

Tháng 11 năm 2017

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E			
11/11	PXK00425	11/11	Xuất kho bán cho Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình	156	124.800.000		
12/11	PXK00426	12/11	Xuất bán chị Vũ Thị Dung	156	14.400.000		
29/11	PXK00429	29/11	Xuất kho bán công ty TNHH Thanh Sơn	156	28.800.000		
			Cộng		168.000.000	168.000.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người lập

2.2.4.4. Kế toán tổng hợp giá vốn

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12
năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 11 Năm 2017

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	SH TK	Số phát sinh	
	Số	NT				Nợ	Có
			Số từ trang trước				
11/11	PXK00425	11/11	Xuất kho bán cho Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình	x	632 156	793.050.000	793.050.000
12/11	PXK00426	12/11	Xuất bán chị Vũ Thị Dung	x	632 156	14.400.000	14.400.000
29/11	PXK00429	29/11	Xuất bán Công ty TNHH Thanh Sơn	x	632 156	171.360.000	171.360.000
						
			Cộng lũy kế chuyển sang trang sau		...	18.325.650.000	18.325.650.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12
năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tháng 11 Năm 2017

TÀI KHOẢN 632: Giá vốn hàng bán

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong tháng					
11/11	PXK00425	11/11	Xuất kho bán cho Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình	156	793.050.000	
12/11	PXK00426	12/11	Xuất bán chị Vũ Thị Dung	156	14.400.000	
29/11	PXK00429	29/11	Xuất bán Công ty TNHH Thanh Sơn	156	171.360.000	
		
			Kết chuyển giá vốn			1.380.000.000
			Tổng cộng				1.380.000.000	1.380.000.000

Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

2.2.5. Kế toán Chi phí bán hàng**2.2.5.1. Chứng từ và thủ tục kế toán**

- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

Chi phí bán hàng trong công ty là các khoản chi cho công tác bán hàng và tiêu thụ hàng hóa, các khoản chi phí mua phục vụ cho bộ phận bán hàng...

Chứng từ cụ thể trong kỳ (trích):

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác
Phúc Linh

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22
tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 03

Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Số :009

Nợ: 641, 133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Trần Văn Tân

Địa chỉ: Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình

Lý do chi tiền: Chi tiền vận chuyển đơn hàng ngày 11/11 bán Công ty TNHH
Dịch vụ TM Hoàng Bình

Số tiền: 880.000đ

Bằng chữ: Tám trăm tám mươi ngàn đồng.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc.

.....Đã nhận đủ tiền.

Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Giám đốc**Kế toán****Thủ quỹ****Người nộp tiền**

Công ty CP vận tại
HDB

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số 01 GTKT1-001

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu :DB /17P

Số 0000123

Ngày 11 tháng 11 năm 2017

Đơn vị bán: Công ty CP vận tại HDB

Địa chỉ : Vương thừa Vũ, Thanh Xuân, HN

Điện thoại: +84437875729 – Fax: +84437875729

Mã số thuế: 0100065400

Đơn vị mua: Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Địa chỉ: 1A/79 Chợ Đôn- Nghĩa Xá- Lê Chân – Hải Phòng

Mã số thuế: 0201291711

Hình thức thanh toán: TM

TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thu phí dịch vụ vận chuyển hàng				800.000
	Cộng thanh toán				800.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%, Tiền thuế GTGT :					80.000
Tổng tiền thanh toán :					880.000

Số tiền bằng chữ: Tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.

Người mua/ nhận hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

2.2.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 641 – Chi phí bán hàng.

Bên Nợ: Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng

- Kết chuyển chi phí bán hàng trừ vào kết quả kinh doanh

Tài khoản này không có số dư

2.2.5.3. Kế toán chi tiết chi phí bán hàng

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S13-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng
12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ BÁN HÀNG**TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
Tháng 11 năm 2017 Đơn vị tính: Đ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E			
						
11/11	PC009 HD000123	11/11	Chi tiền vận chuyển đơn hàng ngày 11/11	111	800.000		
12/11	HD00321	12/11	Phí bến bãi cho lô hàng gửi bán	111	50.000		
29/11	HD00129	29/11	Chi tiền vận chuyển đơn hàng ngày 29/11	111	1.200.000		
				
			Tổng cộng		6.600.000	6.600.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người lập

2.2.5.4. Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11 năm 2017

Đơn vị : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	SH TK	Số phát sinh	
	Số	NT				Nợ	Có
			Số từ trang trước				
11/11	PC009	11/11	Chi phí vận chuyển bốc dỡ đơn hàng ngày 11/11	X	641 133 111	800.000 80.000	880.000
12/11	HD00321	12/11	Phí bến bãi cho lô hàng gửi bán	X	641 133 111	50.000 5.000	55.000
29/11	HD00129	29/11	Chi tiền vận chuyển đơn hàng ngày 29/11	X	641 133 111	1.200.000 120.000	1.320.000
			Cộng chuyển sang trang sau			12.254.230.000	12.254.230.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 11 Năm 2017

TÀI KHOẢN 641: Chi phí bán hàng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong tháng					
11/11	PC009	11/11	Chi phí vận chuyển bốc dỡ	111	800.000	
12/11	HD00321	12/11	Phí bến bãi cho lô hàng gửi bán	111	50.000	
29/11	HD00129	29/11	Chi tiền vận chuyển đơn hàng ngày 29/11	111	1.200.000	
					
30/11	KCCPBH11	30/11	Kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh	911		52.000.000
			Tổng cộng				52.000.000	52.000.000

Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

2.2.6.Kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp**2.2.6.1.Chứng từ và thủ tục kế toán**

- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

Chứng từ cụ thể trong kỳ (trích):

Công ty TNHH xây dựng và hợp
tác Phúc Linh

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22
tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 03

Ngày 25 tháng 11 năm 2017

Số :018

Nợ: 642, 133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Linh

Địa chỉ: Phòng kế toán công ty

Lý do chi tiền: Chi tiền điện nước tháng 11/2017

Số tiền: 6.952.000đ

Bằng chữ: Sáu triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc (Biên lai thu tiền điện _ Biên lai thu tiền nước
Tháng 11/2017)

.....Đã nhận đủ tiền.

Ngày 25 tháng 11 năm 2017

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người nộp tiền

2.2.6.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Bên Nợ: Chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào kết quả kinh doanh

Tài khoản này không có số dư

2.2.6.3. Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S13-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng
12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Tháng 11 năm 2017

Đơn vị tính: Đ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E			
						
25/11	PC018 HD05436	25/11	Chi tiền điện nước tháng 11/2017	111	6.320.000		
				
			Tổng cộng		52.180.000	52.180.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người lập

2.2.6.4. Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11 năm 2017

Đơn vị : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	SH TK	Số phát sinh	
	Số	NT				Nợ	Có
			Số từ trang trước				
25/11	PC018 HD05436	25/11	Chi phí điện nước tháng 11/2017	x	642 133 111	6.320.000 632.000	6.952.000
26/11	PC019 HD00432	26/11	Chi mua văn phòng phẩm	x	642 133 111	3.220.000 322.000	3.542.000
30/11	BTLT11	30/11	Tính lương bộ phận quản lý, hành chính, văn phòng	x	642 334	212.980.000	212.980.000
						
			Cộng chuyển sang trang sau			12.254.230.000	12.254.230.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 11 Năm 2017

TÀI KHOẢN 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong tháng					
25/11	PC018	25/11	Chi phí điện nước tháng 11/2017	111	6.320.000	
26/11	PC019 HD00432	26/11	Chi mua văn phòng phẩm	111	3.220.000	
30/11	BTLT11	30/11	Tính lương bộ phận quản lý, hành chính, văn phòng	334	212.980.000	
					
30/11	KCCPQL11	30/11	Kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh	911		602.000.000
			Tổng cộng				602.000.000	602.000.000

Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

2.2.7. Kế toán chi phí tài chính

2.2.7.1. Chứng từ và thủ tục kế toán

- Phiếu chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

Những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản như: chiết khấu thanh toán khi bán hàng, hoặc các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái...

Chứng từ cụ thể trong kỳ (trích):

Theo hợp đồng HD022/2016 ký ngày 22/06/2016 giữa Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh và Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình, thời hạn thanh toán cho mỗi đơn hàng tối đa 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng hóa thành công. Nếu trong trường hợp thanh toán sớm trong khoảng 10 đến 15 ngày sẽ được chiết khấu thanh toán 2% trên giá trị đơn hàng đó và sẽ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Do đó, Ngày 21/11/2017 Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình đã chuyển khoản thanh toán sớm nên nhận được 2% chiết khấu, công ty chi tiền mặt thanh toán theo phiếu chi số 013 ngày 21/11/2017:

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác
Phúc Linh

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22
tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 11 năm 2017

Quyển số: 03

Số : 013

Nợ: 635

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Trần Văn Tân

Địa chỉ: Công ty TNHH Dịch vụ TM Hoàng Bình

Lý do chi tiền: Chi tiền chiết 2% khấu thanh toán do Công ty TNHH Dịch vụ
TM Hoàng Bình thanh toán sớm thỏa thuận trong hợp đồng.

Số tiền: 8.895.000đ

Bằng chữ: Tám triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc.

.....Đã nhận đủ tiền.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người nộp tiền

2.2.7.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí tài chính

Bên Nợ: Chi phí tài chính thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Các khoản giảm trừ chi phí tài chính

- Kết chuyển chi phí tài chính trừ vào kết quả kinh doanh

Tài khoản này không có số dư

2.2.7.3. Kế toán chi tiết chi phí tài chính

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S13-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng
12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

TK 635-1: Chiết khấu thanh toán

Tháng 11 năm 2017

Đơn vị tính: Đ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
A	B	C	D	E			
						
21/11	PC013	21/11	Chi tiền chiết khấu thanh toán cho công ty Hoàng Bình	111	8.895.000		
26/11	GBN00588	26/11	Chi chiết khấu thanh toán cho Công ty Quang Minh	112	2.300.000		
				
			Tổng cộng		15.820.000	15.820.000	

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người lập

2.2.7.4. Kế toán tổng hợp chi phí tài chính

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11 năm 2017

Đơn vị : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	SH TK	Số phát sinh	
	Số	NT				Nợ	Có
			Số từ trang trước				
21/11	PC013	21/11	Chi tiền chiết khấu thanh toán cho công ty Hoàng Bình	x	635 111	8.895.000	8.895.000
26/11	GBN00588	26/11	Chi chiết khấu thanh toán cho Công ty Quang Minh	x	635 112	2.300.000	2.300.000
30/11	GBN00689	30/11	Chi thanh toán tiền lãi vay ngân hàng	x	635 112	1.230.000	1.230.000
						
			Cộng lũy kế chuyển sang trang sau			12.254.230.000	12.254.230.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 11 Năm 2017

TÀI KHOẢN 635: Chi phí tài chính

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong tháng					
21/11	PC013	21/11	Chi tiền chiết khấu thanh toán cho công ty Hoàng Bình	111	8.895.000	
26/11	GBN00588	26/11	Chi chiết khấu thanh toán cho Công ty Quang Minh	112	2.300.000	
30/11	G00689BN	30/11	Chi thanh toán tiền lãi vay ngân hàng	112	1.230.000	
					
30/11	KCCPTC11	30/11	Kết chuyển chi phí XĐKQKD	911		15.820.000
			Tổng cộng				15.820.000	15.820.000

Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

2.2.8. Kế toán chi phí khác**2.2.8.1. Chứng từ và thủ tục kế toán**

- Phiếu chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Và các chứng từ khác có liên quan...

Những khoản chi phí khác bao gồm các khoản như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

Chứng từ cụ thể trong kỳ (trích):

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác
Phúc Linh

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22
tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số: 03

Ngày 22 tháng 11 năm 2017

Số : 016

Nợ: 811, 133

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Vũ Văn Thanh

Địa chỉ: Phòng kế toán công ty

Lý do chi tiền: Chi tiền chi phí nhượng bán TSCĐ (xe tải HUMAX).

Số tiền: 1.100.000đ

Bằng chữ: Một triệu một trăm ngàn đồng.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc.

.....Đã nhận đủ tiền.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017

Giám đốc

Kế toán

Thủ quỹ

Người nộp tiền

2.2.8.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản sử dụng: TK 811– Chi phí khác

Bên Nợ: Chi phí khác thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Các khoản giảm trừ chi phí khác

- Kết chuyển chi phí khác trừ vào kết quả kinh doanh

Tài khoản này không có số dư

2.2.8.3. Kế toán chi tiết và tổng hợp chi phí khác

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11 năm 2017

Đơn vị : VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã Ghi SC	SH TK	Số phát sinh	
	Số	NT				Nợ	Có
			Số từ trang trước				
22/11	PC016	22/11	Chi phí nhượng bán xe tải HUMAX	x	811 133 111	1.000.000 100.000	1.100.000
22/11	BBNBTS CD02	22/11	Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán		811 211	123.000.000	123.000.000
						
			Cộng lũy kế chuyển sang trang sau			12.254.230.000	12.254.230.000

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 11 Năm 2017

TÀI KHOẢN 811: Chi phí khác

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong tháng					
22/11	PC016	22/11	Chi phí nhượng bán xe tải HUMAX	111	1.000.000	
22/11	BBĐGLT S03	22/11	Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán	211	123.000.000	
					
30/11	KCCPK11	30/11	Kết chuyển chi phí xác định kết quả kinh doanh	911		155.000.000
			Tổng cộng				155.000.000	155.000.000

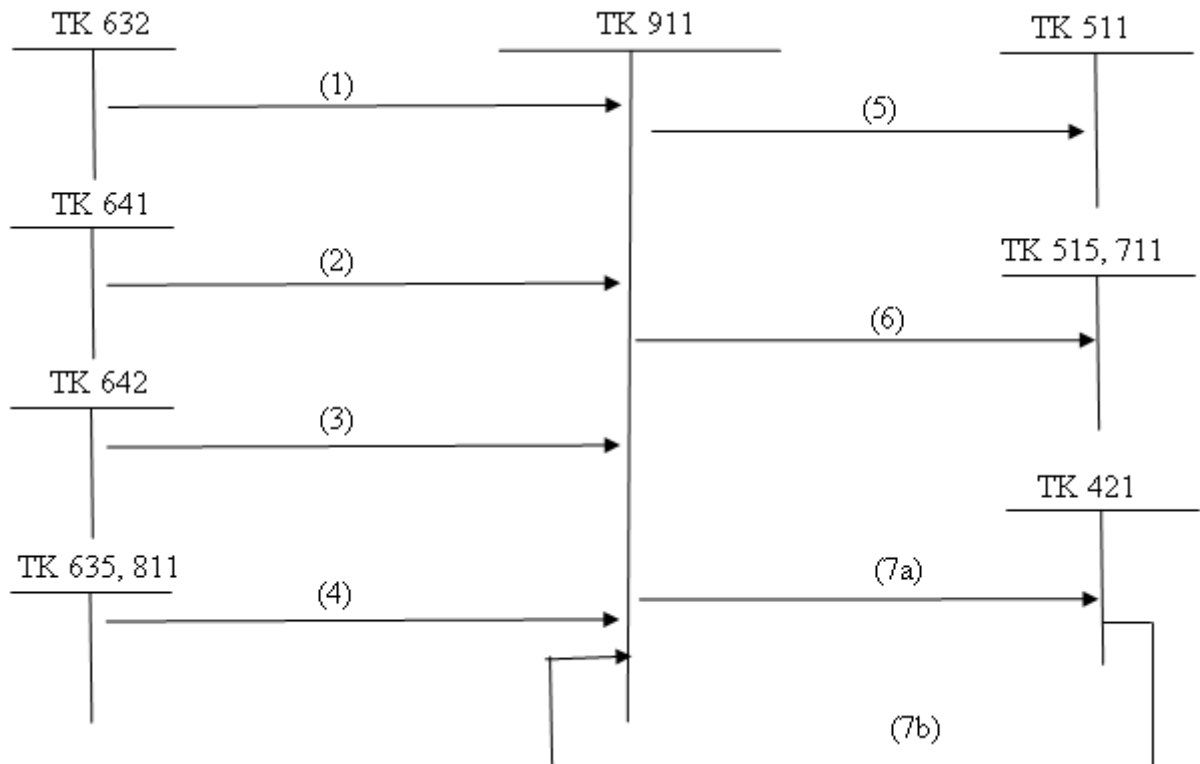
Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

2.2.9. Kế toán kết quả kinh doanh

Giới hạn trong bài khóa luận này em xin được tính kỳ xác định kết quả kinh doanh là năm 2017.

Sơ đồ kết chuyển:



Sơ đồ 126: Sơ đồ xác định kết quả kinh doanh tại Công ty

Kế toán căn cứ vào sổ tổng hợp doanh thu, thu nhập khác, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác, chi phí tài chính, tài khoản giá vốn hàng bán để tính xác định kết quả kinh doanh cụ thể:

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số S13-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng
12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2017

NTGS	CT		Diễn giải	Trang NKC	TK DU'	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				
30/11	NKCT3203	30/11	Kết chuyển doanh thu thuần	...	511		1.907.092.000
30/11	NKCT3203	30/11	Kết chuyển thu nhập khác	...	711		282.000.000
30/11	NKCT3203	30/11	Kết chuyển chi phí bán hàng	...	641	52.000.000	
30/11	NKCT3203	30/11	Kết chuyển chi phí quản lý DN	...	642	602.000.000	
30/11	NKCT3203	30/11	KC giá vốn hàng bán	...	632	1.380.000.000	
30/11	NKCT3203	30/11	KC chi phí khác	...	811	155.000.000	
30/11	NKCT3203	30/11	KC chi phí tài chính	...	635	15.820.000	
31/12	NKCT5239	31/12	Chi phí thuế TNDN phải nộp	...		11.254.000	
31/12	NKCT5239	31/12	Kết chuyển lãi	...	421	45.018.000	
			Tổng Cộng			2.189.092.000	2.189.092.000

Người lập sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2017

TÀI KHOẢN 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
			Phát sinh trong tháng					
31/12	BCKQKD	31/12	Chi phí thuế TNDN phát sinh	3334		11.254.000
31/12	KCL013	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2017	911	11.254.000	
			Tổng cộng				11.254.000	11.254.000

Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

Mẫu số 03a-DN

(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Năm 2017

TÀI KHOẢN 421: Lợi nhuận chưa phân phối

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kỳ chung		Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang số	Dòng		Nợ	Có
								181.090.000
			Phát sinh trong tháng					
01/12	PPLN028	01/11	Bổ sung lợi nhuận vào kinh doanh	411	100.000.000	
31/12	KCL012	31/12	Kết chuyển lợi nhuận năm 2017	911		45.018.000
			Tổng cộng				100.000.000	45.018.000
			Dư cuối kỳ					126.108.000

Người lập sổ

Thủ trưởng đơn vị

Mẫu số B02 – DN

Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	MãTK	2017	2016
1	2	3	3	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	511	1.918.982.000	1.738.982.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.890.000	5.320.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.907.092.000	1.733.982.000
4. Giá vốn hàng bán	11	632	1.380.000.000	1.130.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		527.092.000	603.982.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		0	0
7. Chi phí tài chính	22	635	15.820.000	15.820.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.430.000	5.430.000
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	642	654.000.000	598.340.000
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(142.728.000)	(10.178.000)
[30 = 20 + 21 - 22 - 24]				
10. Thu nhập khác	31	421	282.000.000	23.190.000
11. Chi phí khác	32	421	155.000.000	8.230.000
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		127.000.000	14.960.000
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.272.000	4.782.000
[50 = 30 + 40]				
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		11.254.000	965.000
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		45.018.000	3.826.000

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ HỢP TÁC PHÚC LINH

3.1. Đánh giá chung về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh

3.1.1. Ưu điểm

Qua thời gian đi sâu tìm hiểu tại Công ty em nhận thấy bộ máy kế toán của công ty tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Phòng tài chính kế toán với đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn công tác quản lý đã phân nào đáp ứng yêu cầu của công việc. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách một phần kế toán nhưng có mối liên kết mật thiết với nhau, đều hoàn thành tốt công việc của mình. Việc phân công như vậy giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hóa tạo điều kiện cho nhân viên có khả năng đi sâu và tìm hiểu nghiệp vụ phát huy hết khả năng của mình. Nhìn chung công tác hạch toán thực hiện đúng chế độ quy định như chứng từ, sổ sách về cơ bản phản ánh nội dung kinh tế, ghi chép phù hợp đúng mẫu sổ quy định.

Công tác kế toán của công ty nói chung và bộ phận kế doanh thu – chi phí và xác định kết quả bán hàng nói riêng đảm bảo ghi chép đúng đủ, trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. hạn chế ghi chép trùng lặp đảm bảo tính thống nhất số liệu ban đầu.

Hình thức tổ chức công tác kế toán: Bộ máy kế toán của công ty được lập theo hình thức tập trung và gọn nhẹ, giúp cho việc luân chuyển chứng từ và ghi chép nghiệp vụ nhanh chóng đơn giản.

- Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty. Mẫu sổ của hình thức nhật ký chung đơn giản, dễ hiểu, dễ đối chiếu kiểm tra đảm bảo tính thống nhất và chính xác.

- Công ty thực hiện đúng các quy định mà Nhà nước ban hành và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý phù hợp với trình độ chuyên môn kế

toán, đáp ứng yêu cầu thông tin và cung cấp thông tin cho Ban lãnh đạo ra quyết định kịp thời và đúng đắn.

3.1.2. Nhược điểm

Tuy công ty đã đạt được những thành công đáng kể, tuy vậy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế, tồn tại nhất định như:

- Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán chưa kịp thời ghi chép phản ánh vào sổ sách do có những hạn chế từ bộ phận tiếp nhận chứng từ và xử lý chưa đồng bộ.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ chưa đưa ra được nhiều chính sách phù hợp hay chiến lược cụ thể.
- Muốn kinh doanh và có chỗ đứng vững chắc trên thị trường đầy cạnh tranh này, Công ty cần có phương hướng và chính sách cụ thể trong quá trình quản lý và mở rộng thị trường như: Công ty có thể tài trợ cho một chương trình nào đó nhằm quảng cáo sản phẩm.
- Công ty nên bổ sung về nguồn nhân lực trong việc tìm kiếm thị trường để từ đó có thể cập nhật và nắm bắt thông tin một cách kịp thời đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Công tác xác định kết quả kinh doanh còn bấp cập do công ty vừa kinh doanh thương mại vừa dịch vụ công trình.
- Chế độ khuyến khích nhân viên chưa thật sự ưu đãi.
- Công ty chưa mở sổ nhật ký bán hàng nên nhiều nghiệp vụ phát sinh tương tự hạch toán mất nhiều công đoạn.

3.1.3. Phương hướng hoàn thiện

Hiện nay, việc hoàn thiện từng phần hành kế toán, tiến tới hoàn thiện toàn bộ bộ máy kế toán để đáp ứng nhu cầu đổi mới và đạt hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản lý kinh doanh luôn là vấn đề được đặt lên hàng đầu đối với nhà quản lý kinh tế. Do đó công ty luôn đề cao và coi trọng hoàn thiện bộ máy kế toán, đặc biệt là hoàn thiện phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Việc hoàn thiện phần hành kế toán này phải dựa vào những

quy tắc và chuẩn mực kế toán do bộ tài chính ban hành và phù hợp với tình hình thực tế của công ty, cụ thể:

- Hạch toán ban đầu dẫn đến kiểm tra thông tin trên chứng từ.
- Tổ chức luân chuyển chứng từ doanh thu chi phí và xác định kết quả KD
- Vận dụng tài khoản trong hệ thống kế toán
- Vận dụng sổ sách trong hệ thống kế toán
- Tổ chức công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2. Các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty.

- Khi phát sinh nghiệp vụ kể cả khâu nghiệp vụ công trình xa nên luân chuyển chứng từ chậm thì công ty nên có phương án chuyên chứng từ gấp về bộ phận kế toán liên quan để được hạch toán và ghi chép vào sổ không để kéo dài ngày do công ty có phát sinh nhiều nghiệp vụ trách nhầm lẫn.
- Về tổ chức công tác doanh thu bán hàng thì công ty cần quan tâm hơn đến các chế độ khuyến khích cho nhân viên đảm bảo cho họ khi có mức doanh thu cao thì có chế độ thưởng thế nào để cho người lao động hăng say hơn, đảm bảo tính hiệu quả cao hơn trong công việc. Như công ty căn cứ vào doanh thu bán hàng của nhân viên để thưởng số tiền cụ thể hoặc tính % doanh thu để thưởng cho nhân viên.
- Công ty cũng cần có những chính sách cho khách hàng lớn, khách hàng trung thành của doanh nghiệp như chính sách chiết khấu phần trăm, hoặc chính sách khuyến mại cho khách hàng, để đẩy mạnh công tác bán hàng tăng doanh thu của doanh nghiệp.
- Công ty cần bổ sung thêm nguồn nhân lực cho bộ phận kế toán để đảm bảo hoạt động kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả hơn giữa các khâu.
- Công ty nên mở thêm sổ nhật ký bán hàng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau (nếu khách hàng thanh toán trực tiếp cũng có thể phản ánh vào sổ này:

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Tháng 11 năm 2017

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ Người mua	Tk ghi nợ		
	Số	NT			Hàng hóa	Thành Phẩm	Dịch Vụ
1	2	3	4	5	6	7	8
			Số trang trước chuyển sang				
12/11	0000062	12/11	Bán hàng cho chị Vũ Thị Dung	18.975.000	Tài nội nhỏ		
						
			Cộng chuyển				

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Bộ phận kế toán nói chung với vai trò là công cụ quan trọng để quản lý kinh tế tài chính trong doanh nghiệp, trong đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vị trí đặc biệt quan trọng. Nó cung cấp số liệu kịp thời cho các nhà quản lý về tình hình kinh doanh cũng như phản ánh kịp thời, đầy đủ kết quả cuối cùng của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Với những kiến thức đã được học trong nhà trường và quá trình thực tập tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh em đã hiểu thêm và so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã học trên ghế nhà trường để hoàn thành bài khóa luận: Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh. Bài khóa luận em đã trình bày thực tế kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, từ đó em đã mạnh dạn đề xuất một số nhận xét kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn giảng viên Phạm Thị Mai Quyên người đã hướng dẫn và chỉ bảo cho em nghiên cứu và trình bày bài khóa luận này. Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong trường đã trang bị cho em những kiến thức quý báu, cảm ơn các cán bộ phụ trách kế toán tại Công ty TNHH xây dựng và hợp tác Phúc Linh đã tạo điều kiện giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 08 năm 2018

Sinh Viên

Hoài

Nguyễn Thị Hoài